



ETS 1000_RC

TEST 9

PART 5

101. Every batch of sauce at Generita's Bistro is processed meticulously by ----- expert chefs.

- (A) they
- (B) **their**
- (C) them
- (D) themselves

Tạm dịch: Mỗi mẻ nước sốt tại Generita's Bistro được chế biến tỉ mỉ bởi các đầu bếp chuyên nghiệp của họ.

Phân tích: Sau chỗ trống là cụm danh từ “expert chefs” nên chỗ trống cần một tính từ sở hữu là hợp lý nhất. Câu B là đáp án đúng.

102. Computerization of medical records ----- - increases a physician's ability to diagnose and treat patients.

- (A) great
- (B) **greatly**
- (C) greatness
- (D) greatest

Tạm dịch: Tin học hóa hồ sơ bệnh án làm tăng đáng kể khả năng chẩn đoán và điều trị bệnh nhân của bác sĩ.

Phân tích: Sau chỗ trống là động từ “increases” nên chỗ trống cần một trạng từ để bổ nghĩa cho động từ. Câu B đúng.

103. At Rojelle's Fine Dining, we use the freshest ----- available to make our salads.

- (A) applications
- (B) subjects
- (C) **ingredients**
- (D) factors

Tạm dịch: Tại Rojelle's Fine Dining, chúng tôi sử dụng các nguyên liệu tươi nhất có sẵn để làm món salad của chúng tôi.

Phân tích: Trước chỗ trống là từ freshest (tươi nhất). Câu C đúng vì có ý nghĩa phù hợp cả câu nhất (dùng những thành phần tươi nhất có sẵn để làm món salad). Các câu còn lại không phù hợp về nghĩa khi theo sau từ “freshest”: A (các ứng dụng), B (các môn học/ chủ đề), D (các yếu tố)

104. Professor Benguigui will present his paper ----- the natural history conference tomorrow.

- (A) by
- (B) **at**
- (C) of

Phân tích: Chỗ trống cần một giới từ mà “tại hội nghị” thì dùng giới từ “at”.



(D) on

Tạm dịch: Giáo sư Benguigui sẽ trình bày bài viết của mình tại hội nghị lịch sử tự nhiên vào ngày mai.

105. The chefs are still waiting for a ----- date for the new convection oven that was ordered two weeks ago.

(A) shipper

(B) ships

(C) shipments

(D) shipping

Tạm dịch: Các đầu bếp vẫn đang chờ ngày vận chuyển cho lò nướng đối lưu mới được đặt hàng hai tuần trước.

Phân tích: Chỗ trống cần một danh từ hoặc một gerund (V-ing) để tạo thành cụm danh từ “a shipping date” (ngày giao hàng) đóng vai trò tân ngữ sau cụm từ “wait for”. Do đó chọn D. Không chọn C (đơn hàng), A (người giao hàng) vì ghép với từ “date” thì không hợp lý về ý nghĩa.

106. Mr. Kang works ----- with our internal team members as well as various regional sales representatives.

(A) mildly

(B) nearly

(C) closely

(D) narrowly

Tạm dịch: Ông Kang phối hợp chặt chẽ với các thành viên trong nhóm nội bộ của chúng ta cũng như các đại diện bán hàng khác nhau trong khu vực.

Phân tích: Ta có cụm “to work closely with someone” nghĩa là “phối hợp chặt chẽ với ai đó”. Câu C đúng.

107. Fashion designer Hye-Ja Pak knows ----- to update her line in response to changing tastes.

(A) and

(B) when

(C) need

(D) for

Tạm dịch: Nhà thiết kế thời trang Hye-Ja Pak biết khi nào nên cập nhật dòng sản phẩm của mình để đáp ứng thị hiếu thay đổi.

Phân tích: Chọn câu B vì phù hợp nghĩa cả câu. Ta có cụm “know when to do something” nghĩa là “... biết khi nào nên làm gì đó...”

108. The samba class was so well ----- that the Yulara Dance School decided to make the course a permanent offering.

(A) attended

Phân tích: Khi nói về lớp học nào đó thì phải đi với từ “tham dự”. Ta có “a well-attended class” nghĩa là “một lớp học được tham dự tốt” Câu A đúng.



(B) educated

(C) gathered

(D) protected

Tạm dịch: Lớp học samba được tham dự tốt đến nỗi Trường múa Yulara quyết định biến khóa học thành một cung cấp vĩnh viễn.

109. The factory will be situated away ----- the city's residential area to reduce complaints about noise and emissions.

(A) from

(B) about

(C) with

(D) out

Tạm dịch: Nhà máy sẽ được đặt cách xa khu dân cư của thành phố để giảm khiếu nại về tiếng ồn và khí thải.

110. Ms. Kuramoto selected the most ----- mailing option available.

(A) economical

(B) economy

(C) economize

(D) economized

Tạm dịch: Bà Kuramoto đã chọn tùy chọn gửi thư tiết kiệm nhất hiện có.

111. Companies without information technology specialists can ----- on Vyber Software Advisers for assistance with online services.

(A) reliable

(B) reliably

(C) rely

(D) relying

Tạm dịch: Các công ty không có chuyên gia công nghệ thông tin có thể dựa vào Cố vấn phần mềm Vyber để được hỗ trợ với các dịch vụ trực tuyến.

112. Next year, our team will have a new task, ----- is to review design portfolios.

(A) although

Phân tích: Ta có cụm “tobe situated away from something” nghĩa là “được đặt cách xa cái gì đó”. Câu A đúng.

Phân tích: Câu A là đáp án đúng vì trong câu này cần một tính từ có ý nghĩa mang tính chất “ít tốn kém/ tiết kiệm”. Không chọn D vì “economized” (được tiết kiệm) chỉ là cột 3 của động từ economize. Không chọn B vì là danh từ, không chọn C vì là động từ.

Phân tích: Chỗ trống cần một động từ vì đi sau động từ khiếm khuyết “can”, và nó tạo thành cụm động từ “rely on something” (dựa vào cái gì đó). Không chọn A vì là tính từ (reliable: đáng tin cậy), không chọn B vì là trạng từ, không chọn D vì động từ khiếm khuyết (can) không đi với động từ đuôi -ing.

Phân tích: Chỗ trống cần một đại từ quan hệ đóng vai trò làm chủ ngữ nhằm thay thế cho “a new task”. Do đó chọn B.



(B) which

(C) after

(D) because

Tạm dịch: Năm tới, nhóm của chúng tôi sẽ có một nhiệm vụ mới, đó là xem xét lại các danh mục thiết kế.

113. Cook the meat for 30 minutes to ensure - ----- readiness to be eaten.

(A) both

(B) this

(C) its

(D) that

Tạm dịch: Nấu thịt trong 30 phút để đảm bảo nó sẵn sàng để được ăn.

Phân tích: Sau chỗ trống là một danh từ nên chỗ trống cần tính từ sở hữu (its) hoặc từ chỉ định (this/ that) nhưng vì sau đó là “to be eaten” là đang nói đến “the meat” nên ta có “ensure its readiness to be eaten” là “đảm bảo sự sẵn sàng của thịt để được ăn”.

114. Amoxitron's research team will hire ----- - interns to assist with laboratory duties.

(A) given

(B) several

(C) whole

(D) natural

Tạm dịch: Nhóm nghiên cứu của Amoxitron sẽ thuê một số thực tập sinh để hỗ trợ các nhiệm vụ trong phòng thí nghiệm.

Phân tích: Câu B đúng vì phù hợp nghĩa cả câu. Ta có “several interns” là “một số thực tập sinh”. Các câu còn lại kết hợp với từ “interns” không hợp lý.

115. ----- the new acai juice blend has proved so popular, we should move quickly to increase our production volume.

(A) If

(B) Whether

(C) Since

(D) Unless

Tạm dịch: Vì hỗn hợp nước ép acai mới đã được chứng minh là rất nổi tiếng, chúng ta nên nhanh chóng di chuyển để tăng khối lượng sản xuất.

Phân tích: Ta có ý nghĩa của mệnh đề phụ trước dấu phẩy là nguyên nhân của mệnh đề chính sau dấu phẩy. Do đó ta cần một liên từ chỉ nguyên nhân (Since).

116. New emissions standards have forced Rider Auto to modify the process of engine --- ----.

(A) construction

(B) constructed

Phân tích: Sau “the process of” ta cần một danh từ/ cụm danh từ. Do đó ta cần một danh từ đi sau danh từ “engine” để tạo thành cụm danh từ.



(C) constructive

(D) construct

Tạm dịch: Các tiêu chuẩn khí thải mới đã buộc Rider Auto phải sửa đổi quy trình chế tạo động cơ.

117. Maki Kayano's book offers techniques for ----- business tasks with speed and precision.

(A) **executing**

(B) equipping

(C) returning

(D) involving

Tạm dịch: Cuốn sách của Maki Kayano cung cấp các kỹ thuật để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh với tốc độ và độ chính xác.

Phân tích: Ta có cụm từ “executing business tasks” nghĩa là thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh. Các câu còn lại không phù hợp về nghĩa vì A (trang bị), C (trả lại/ trở lại), D (bao gồm).

118. To control costs, updated credit card readers will be installed in branch stores ----- .

(A) gradual

(B) **gradually**

(C) more gradual

(D) most gradual

Tạm dịch: Để kiểm soát chi phí, đầu đọc thẻ tín dụng đã được cập nhật sẽ được cài đặt dần dần trong các cửa hàng chi nhánh.

Phân tích: Ta cần một trạng từ ở chỗ trống để bổ nghĩa cho động từ ở cột 3 “installed”. Đáp án B đúng.

119. In this quarter, the Mantel Beverage Company is expecting sales ----- £160,000 and £180,000.

(A) without

(B) among

(C) throughout

(D) **between**

Tạm dịch: Trong quý này, Công ty Nước giải khát Mantel dự kiến doanh số từ 160.000 đến 180.000 bảng.

Phân tích: Ta có cụm “between ... and ...” là tương tự cụm “from ... to ...” nghĩa là “từ ... đến...”.

120. Because Mount Akoyola is so challenging for climbers, ----- have reached its peak.

(A) any

(B) either

(C) other

Phân tích: Ta thấy cụm trước dấu phẩy nói về việc “ngọn núi Akoyola rất thách thức cho những người leo núi”. Với thông tin này thì ta suy ra được là rất ít người (hầu như không có



(D) few

Tạm dịch: Bởi vì Núi Akoyola rất khó khăn đối với những người leo núi, nên rất ít người đã leo đến đỉnh của nó.

ai) đã leo đến đỉnh núi bởi vì nó hiểm hóc, khó khăn.

121. King Street Bridge will be closed in the month of September ----- repair work.

(A) because of

(B) so that

(C) as if

(D) rather than

Tạm dịch: Cầu King Street sẽ đóng cửa vào tháng 9 vì công việc sửa chữa.

Phân tích: Ta thấy trước chỗ trống là việc cây cầu bị đóng cửa và sau chỗ trống là cụm danh từ ám chỉ nguyên nhân của việc đóng cửa đó, do đó tại chỗ trống cần một liên từ chỉ nguyên nhân (because of).

122. Ms. Taniguchi's supervisor commended her for negotiating ----- with Furuyama Corporation.

(A) effective

(B) effecting

(C) effected

(D) effectively

Tạm dịch: Người giám sát của cô Taniguchi khen ngợi cô vì đã đàm phán hiệu quả với Tập đoàn Furuyama.

Phân tích: Chỗ trống ta cần một trạng từ để bổ nghĩa cho từ “negotiate”. Do đó câu D đúng.

123. Staff members may reserve the conference room ----- they need it.

(A) somewhere

(B) whatever

(C) everything

(D) anytime

Tạm dịch: Nhân viên có thể đặt phòng hội nghị bất cứ lúc nào họ cần.

Phân tích: Câu D (anytime) đúng vì phù hợp nghĩa của cả câu, tức là có thể đặt bất cứ khi nào cần.

124. The public relations director must have a high level of ----- in English and Spanish.

(A) proficiency

(B) advancement

(C) routine

(D) strength

Phân tích: Khi ta nói về khả năng/ năng lực/ trình độ ngoại ngữ cao thì ta có cụm “a high level of proficiency of + a language...”. Câu A đúng. Không chọn câu B (sự tiến bộ/ thăng tiến), C (công việc hằng ngày), D (sức mạnh) vì không phù hợp.



Tạm dịch: Giám đốc quan hệ công chúng phải có trình độ tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha cao.

125. Patterson Products ----- seeks innovative ways of meeting changing consumer demand.

- (A) dually
- (B) favorably
- (C) **continually**
- (D) generically

Tạm dịch: Công ty Patterson Products liên tục tìm kiếm những cách sáng tạo để đáp ứng nhu cầu thay đổi của người tiêu dùng.

Phân tích: Câu C (continually) đúng vì nghĩa thích hợp với nghĩa cả câu là "... liên tục/ không ngừng tìm kiếm những cách sáng tạo để...". Các câu còn lại không phù hợp: A (kép), B (một cách ưu tiên/ một cách hướng ứng), D (nói chung).

126. Mr. Volante is working at home tomorrow so he ----- the technical report without any distractions.

- (A) **can finish**
- (B) would finish
- (C) finished
- (D) has been finishing

Tạm dịch: Ông Volante sẽ làm việc tại nhà vào ngày mai để ông có thể hoàn thành báo cáo kỹ thuật mà không có bất kỳ phiền nhiễu nào.

Phân tích: Trong mệnh đề chính dùng thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả dự định trong tương lai (tomorrow). Do đó ta chia ở chỗ trống thì tương lai (can: khả năng ở hiện tại hoặc tương lai). Câu A đúng.

127. All of the billing procedures remain the same, ----- new payment codes need to be inserted into the invoice documents.

- (A) in order that
- (B) during
- (C) across from
- (D) **except that**

Tạm dịch: Tất cả các thủ tục thanh toán vẫn giữ nguyên, ngoại trừ mã thanh toán mới cần được chèn vào các tài liệu hóa đơn.

Phân tích: Câu D đúng vì có ý nghĩa phù hợp với cả câu. Mệnh đề trước dấu phẩy ý là "tất cả... vẫn giữ nguyên", mệnh đề sau dấu phẩy đề cập đến trường hợp ngoại lệ.

128. The lightweight design of the new sedan is ----- because it can cause the vehicle to slide on icy roads.

- (A) possible
- (B) mechanical
- (C) **questionable**

Phân tích: Chọn câu C vì có ý nghĩa phù hợp với cả câu. Ta thấy về sau nói đến việc chiếc sedan mới có thể khiến phương tiện trượt trên đường băng, Do đó ta suy ra rằng thiết kế của nó sẽ gây nghi ngại/ đáng nghi vấn (câu C). Không chọn câu A (khả thi), B (thuộc về cơ



(D) multiple

Tạm dịch: Thiết kế gọn nhẹ của chiếc sedan mới là đáng nghi ngờ bởi vì nó có thể khiến chiếc xe trượt trên đường băng.

khí), D (nhiều) vì chúng không phù hợp nghĩa cả câu.

129. When the bank president retired, the common ----- was that the vice president would take over.

(A) assume

(B) assumption

(C) assuming

(D) assumable

Tạm dịch: Khi chủ tịch ngân hàng nghỉ hưu, giả định chung là phó chủ tịch sẽ tiếp quản.

Phân tích: Trước chỗ trống là một tính từ (common) nên chỗ trống cần một danh từ để kết hợp với từ “common” đó tạo thành cụm danh từ đóng vai trò làm chủ ngữ trong mệnh đề chính (mệnh đề sau dấu phẩy).

130. West Bengali Airlines ----- fees for oversized items that are still within weight limitations.

(A) invites

(B) cooperates

(C) transports

(D) waives

Tạm dịch: Hãng hàng không West Bengal miễn phí cho các mặt hàng quá khổ vẫn còn trong giới hạn trọng lượng.

Phân tích: Vế sau chỗ trống nghĩa là “những mặt hàng quá khổ nhưng mà vẫn nằm trong giới hạn trọng lượng.” Nên ta suy ra rằng những mặt hàng như vậy sẽ được miễn phí. Chọn câu D (to waive fee: miễn phí).

PART 6

Questions 131-134

To: pmendoza@factmail.co

From: recruiting@analystsassoc.org

Date: May 2

Subject: Joining ASA

Dear Mr. Mendoza,

Thank you for expressing your interest in our organization during the recent (131) ----- . It was a pleasure meeting you at the ASA booth during the Weber Information Systems Convention. As you may recall from our conversation, we discussed how ASA membership (132) ----- your career through networking opportunities as well as the industry insights offered in our monthly newsletter. The normal fee for members is

Tới: pmendoza@factmail.co

Từ: Recruiting@analystsassoc.org

Ngày: 2 tháng 5

Chủ đề: Tham gia ASA

Kính gửi ông Mendoza,

Cảm ơn ông đã bày tỏ sự quan tâm của ông đối với tổ chức của chúng tôi trong **hội nghị** gần đây. Rất vui được gặp ông tại gian hàng ASA trong Hội nghị Hệ thống thông tin Weber. Như ông có thể nhớ lại từ cuộc trò chuyện của chúng ta, chúng ta đã thảo luận về việc tư cách hội viên của ASA **có thể có lợi cho** sự nghiệp của ông như thế nào thông qua các cơ hội kết nối cũng như những hiểu biết về ngành được cung cấp trong bản tin hàng tháng của chúng tôi. Lệ phí



<p>just \$120 a year; however, we are currently offering a new-member discount. (133) -----</p> <p>- .</p> <p>If you are still interested in joining, please reply to (134) ----- with your mailing address. I will then forward you an application packet.</p> <p>Sincerely,</p> <p>Ashlee Loren, President Association of Systems Analysts</p>	<p>bình thường cho các thành viên chỉ là \$120 một năm; tuy nhiên, chúng tôi hiện đang giảm giá cho thành viên mới. Tháng này ông có thể tham gia với chỉ một nửa mức phí thông thường.</p> <p>Nếu ông vẫn muốn tham gia, vui lòng phản hồi cho tôi với địa chỉ gửi thư của ông. Sau đó tôi sẽ chuyển tiếp cho ông một gói ứng dụng.</p> <p>Trân trọng,</p> <p>Ashlee Loren, Chủ tịch Hiệp hội các nhà phân tích hệ thống</p>
--	---

<p>131.</p> <p>(A) election</p> <p>(B) broadcast</p> <p>(C) conference</p> <p>(D) performance</p>	<p>Phân tích: Câu sau chỗ trống nhắc đến “during the Weber Information Systems Convention” là để bổ nghĩa cho “during the recent” mà bởi vì Convention tương đương với conference (hội nghị) nên chỗ trống là “conference”.</p>
<p>132.</p> <p>(A) can benefit</p> <p>(B) is benefiting</p> <p>(C) has benefited</p> <p>(D) will have benefited</p>	<p>Phân tích: Vì chỉ là thảo luận về khả năng mang lại lợi ích trong tương lai khi trở thành hội viên nên ta chọn câu A (can benefit).</p>
<p>133.</p> <p>(A) Discounts on rental cars are included in the annual membership.</p> <p>(B) Our jobs board is quite comprehensive.</p> <p>(C) We are the first organization of our kind.</p> <p>(D) This month you can join for just half the usual rate.</p>	<p>Phân tích: Trước chỗ trống là câu nói về lệ phí thường lệ cho các thành viên nên câu sau cũng sẽ nói về lệ phí và so sánh mức phí so với bình thường. Câu D là đúng vì so sánh mức phí tháng này chỉ bằng một nửa so với bình thường.</p>
<p>134.</p> <p>(A) it</p> <p>(B) me</p> <p>(C) them</p> <p>(D) anyone</p>	<p>Phân tích: Vì câu sau là “Sau đó tôi sẽ chuyển tiếp cho bạn một gói ứng dụng”, ta thấy người viết (I: tôi) là người sẽ chuyển tiếp thư. Do đó, những ai muốn tham gia thì sẽ phản hồi cho người viết (me: tôi – tân ngữ của “I”).</p>

Questions 135-138

<p>To: Sam Heinz</p> <p>From: Northways Professional Development</p> <p>Sent: April 20</p> <p>Subject: Workshop 4/28-4/30</p> <p>Dear Workshop Participants,</p> <p>We look forward to seeing you at the digital storytelling workshop. On the first day, when</p>	<p>Kính gửi: Sam Heinz</p> <p>Từ: Phát triển chuyên nghiệp Northways</p> <p>Đã gửi: ngày 20 tháng 4</p> <p>Chủ đề: Hội thảo 4 / 28-4 / 30</p> <p>Kính gửi những người tham gia hội thảo,</p> <p>Chúng tôi mong được gặp các bạn tại hội thảo kể chuyện kỹ thuật số. Vào ngày đầu tiên, khi</p>
--	--



you enter the Albin College campus, attendants will (135) ----- you to lot 43 and the Toteman Building. We will begin each day in conference room 9. Coffee, tea, snacks, and fruit (136) ---- in the mornings. Lunch will be sandwiches and salads from Black Horse Restaurant. (137) -----.

In the afternoons, we will be working in the computer lab. We suggest that you assemble some images that you would like to use for your project. It will be (138) ----- for you to have them saved on a digital storage device beforehand. If you have any questions, please e-mail us.

Very Best,
Gina Kapuski

các bạn vào khuôn viên trường Albin College, các tiếp viên sẽ **hướng dẫn** các bạn đến lô 43 và Tòa nhà Toteman. Chúng tôi sẽ bắt đầu mỗi ngày tại phòng hội nghị 9. Cà phê, trà, đồ ăn nhẹ và trái cây **sẽ được cung cấp** vào buổi sáng. Bữa trưa sẽ là bánh mì và salad từ nhà hàng Black Horse. **Xin vui lòng cho chúng tôi biết nếu các bạn có bất kỳ hạn chế nào về chế độ ăn uống.**

Vào buổi chiều, chúng tôi sẽ làm việc trong phòng thí nghiệm máy tính. Chúng tôi khuyên bạn nên tập hợp một số hình ảnh mà bạn muốn sử dụng cho dự án của mình. Sẽ rất **hữu ích** khi các bạn lưu chúng trên thiết bị lưu trữ kỹ thuật số trước đó. Nếu các bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng email cho chúng tôi.

Rất tốt,
Gina Kapuski

135.

- (A) offer
- (B) direct**
- (C) pass
- (D) instruct

Phân tích: Ta thấy “attendants” là “các tiếp viên” và sau chỗ trống là “đến lô 43 và tòa nhà Toteman”. Tức là các tiếp viên này sẽ chỉ dẫn (direct) cho những ai vào khuôn viên trường để đến các địa điểm. Câu B đúng.

136.

- (A) will be provided**
- (B) were provided
- (C) providers
- (D) are providing

Phân tích: Trước chỗ trống và sau chỗ trống đều chia ở thì tương lai đơn nên ở chỗ trống cũng phải chia thì tương lai đơn. Hơn nữa, vì “Coffee, tea, snacks and fruit” là các thức ăn đồ uống, nên chúng phải được cung cấp, do đó chia thể bị động. Câu A đúng.

137.

- (A) Some prior experience working with digital files is assumed.
- (B) Please do not bring any copyrighted material to the workshop.
- (C) Please let us know if you have any dietary restrictions.**
- (D) There is a one-time parking charge of fifteen dollars.

Phân tích: Vì trước chỗ trống nói đến bữa trưa từ nhà hàng nên sau chỗ trống cũng sẽ nói đến việc ăn uống. Do đó chọn C vì nói đến chế độ ăn uống.

138.

- (A) useful**
- (B) surprised
- (C) difficult

Phân tích: Câu A đúng vì nó phù hợp về mặt ý nghĩa. Tức là khi lưu trữ trên thiết bị lưu trữ kỹ thuật số trước thì sẽ rất hữu ích. Các câu còn lại không đúng vì không phù hợp về ý nghĩa: B (bị



(D) amazing

ngạc nhiên), C (khó khăn) và D (đáng kinh ngạc).

Questions 139-142

Venley Foods Responsive to Changing Consumers

Who cares where the tomatoes in your salad actually came from? (139) -----, an increasing number of people do, according to a study conducted by the Consumer Group. In fact, the study shows that many consumers would pay an average of 10 percent more when given the exact source of a fresh food product. (140) ----- . Some grocery stores, such as Venley Foods in Boston, have taken advantage of the trend and used it to implement (141) ----- branding and marketing. "If we can tell a story about our product," says Venley Foods CEO Minji Kim, "then we've added (142) ----- in the minds of consumers."

Thực phẩm Venley đáp ứng với người tiêu dùng đang thay đổi

Ai quan tâm cà chua trong món salad của bạn thực sự đến từ đâu? **Đường như là**, ngày càng có nhiều quan tâm, theo một nghiên cứu được thực hiện bởi Nhóm người tiêu dùng. Trên thực tế, nghiên cứu cho thấy nhiều người tiêu dùng sẽ trả trung bình thêm 10% khi được cung cấp nguồn gốc chính xác của một sản phẩm thực phẩm tươi sống. **Con số tăng lên 20 phần trăm tại các thành phố lớn**. Một số cửa hàng tạp hóa, như Venley Food ở Boston, đã tận dụng xu hướng và sử dụng nó để triển khai xây dựng thương hiệu và tiếp thị **thông minh hơn**. "Nếu chúng tôi có thể kể một câu chuyện về sản phẩm của mình", Minji Kim, CEO của Venley Food nói, "sau đó chúng tôi đã thêm **giá trị** vào tâm trí người tiêu dùng."

139.

- (A) Carefully
- (B) Apparently**
- (C) Formerly
- (D) Rarely

Phân tích: Câu trước hỏi về việc ai sẽ quan tâm đến chuyện cà chua trong món salad đến từ đâu và câu sau trả lời rằng dường như là ngày càng có nhiều người quan tâm. Câu B đúng. Các trạng từ còn lại khi ghép vào sẽ không logic: A (một cách cẩn thận), B (Hiếm khi). Câu C (trước đây) là sai vì câu gốc chia ở thì hiện tại chứ không phải quá khứ.

140.

- (A) Fresh food can be refrigerated for up to two days.
- (B) Many grocery stores have been extending their hours.
- (C) Most studies are published in consumer magazines.
- (D) The number increases to 20 percent in large cities.**

Phân tích: Câu trước chỗ trống nhắc đến số phần trăm mà người tiêu dùng sẽ trả thêm nên câu ở chỗ trống cũng sẽ nói đến tỉ lệ phần trăm ấy. Câu D đúng.

141.

- (A) smarts
- (B) smartly**

Phân tích: Sau chỗ trống là hai danh từ (branding & marketing) nên chỗ trống cần tính từ để bổ nghĩa cho hai danh từ ấy. Câu C đúng



- (C) **smarter**
(D) smartness

vì là tính từ (tính từ so sánh hơn). Câu A không đúng vì sai chính tả (đuôi “s”), B không đúng vì là trạng từ, D không đúng vì là danh từ.

142.
(A) **value**
(B) time
(C) obstacles
(D) bonus

Phân tích: Câu A đúng vì có ý nghĩa phù hợp, tức là công ty sẽ thêm giá trị vào tâm trí người tiêu dùng chứ không thể nào thêm “thời gian” (câu B), hay các “trở ngại” (câu C) hay “tiền thưởng” (câu D) vào “tâm trí” được.

Questions 143-146

Nylobe, Inc., Announces Newest Development Project

SEATTLE (May 1)-Researchers at technology firm Nylobe, Inc., are working to develop a sensor capable of detecting corrosion caused by environmental exposure. Corrosion is a major contributor to (143) ----- losses in the aircraft industry each year. "This will be a major (144) ----- for commercial airline fleets," says Mel Laveau, Nylobe's CEO. "The sensor will decrease both labor and maintenance costs without being too expensive."

According to Ms. Laveau, the sensor will work by detecting corrosion in its early stages, when the problem can be corrected simply by removing the corroded material. (145) ----- In the structure of large aircraft, some critical joints can be particularly susceptible to corrosion. (146) -----, the sensor can be used to inspect these areas and then target the most likely areas of concern.

Công ty TNHH Nylobe công bố dự án phát triển mới nhất

SEATTLE (1 tháng 5) -Những nhà nghiên cứu tại công ty TNHH công nghệ Nylobe đang làm việc để phát triển một cảm biến có khả năng phát hiện sự ăn mòn do tiếp xúc với môi trường. Sự ăn mòn là một sự góp phần chính vào tổn thất **tài chính** trong ngành công nghiệp máy bay mỗi năm. "Đây sẽ là một **tài sản** lớn cho các đội tàu hàng không thương mại," Mel Laveau, CEO của Nylobe nói. "Cảm biến sẽ giảm cả chi phí lao động và bảo trì mà không quá đắt."

Theo bà Laveau, cảm biến sẽ hoạt động bằng cách phát hiện sự ăn mòn ở giai đoạn đầu, khi vấn đề có thể được khắc phục chỉ bằng cách loại bỏ vật liệu bị ăn mòn. **Điều này sẽ làm giảm nhu cầu sửa chữa kết cấu đắt tiền.** Trong cấu trúc của máy bay lớn, một số khớp quan trọng có thể đặc biệt dễ bị ăn mòn. **May mắn thay**, cảm biến có thể được sử dụng để kiểm tra các khu vực này và sau đó nhắm mục tiêu vào các khu vực có khả năng đáng quan ngại nhất.

143.
(A) financially
(B) financed
(C) **financial**
(D) finances

Phân tích: Sau chỗ trống danh từ (losses) do đó chỗ trống cần một tính từ để bổ ngữ cho danh từ, do đó ta chọn câu C (financial losses: những mất mát về tài chính). Không chọn câu A vì là trạng từ, không chọn câu B vì là động từ cột 3 và không chọn câu D (vì có thể là danh từ hoặc động từ số ít).

144.
(A) balance

Phân tích: Trước đó trong đoạn văn có nhắc đến “một cảm biến có khả năng phát hiện sự ăn



(B) examination

(C) expectation

(D) asset

mòn” do đó nó sẽ là một tài sản lớn. Đáp án đúng là D.

145.

(A) This will reduce the need for making expensive structural repairs.

(B) The parts have all been replaced with higher quality materials.

(C) The next stage of the project involves scanning the affected areas.

(D) Its style and sleek design made it popular with the public.

Phân tích: Vì “cảm biến sẽ hoạt động bằng cách phát hiện sự ăn mòn ở giai đoạn đầu, khi vấn đề có thể được khắc phục chỉ bằng cách loại bỏ vật liệu bị ăn mòn” nên quá trình này sẽ tiết kiệm hơn và giảm nhu cầu sửa chữa về mặt cấu trúc tốn kém. Đáp án đúng là A.

146.

(A) Meanwhile

(B) Similarly

(C) Otherwise

(D) Fortunately

Phân tích: Trước chỗ trống nhắc về việc một số khớp quan trọng trong các máy bay lớn có thể đặc biệt dễ bị ăn mòn và sau chỗ trống nói đến sự may mắn khi có cảm biến. Do đó ta dùng trạng từ chỉ sự may mắn (Fortunately). Đáp án đúng là câu B.

PART 7

Questions 147-148

Invoice 3987 Shawqi Office Services, Dubai, UAE Report requested in English	Hóa đơn 3987 Dịch vụ văn phòng Shawqi, Dubai, UAE Báo cáo được yêu cầu viết bằng tiếng Anh
18 October Jenkins Press P.O. Box 2291 Dubai, UAE	18 tháng 10 Báo chí Jenkins P.O. Hộp 2291 Dubai, UAE
Service	Dịch vụ
On 14 October, replaced bulb and repaired paper tray on copier per call received on 12 October. Replaced copy ink in two machines. Performed routine yearly maintenance on five copiers per existing service contract.	Vào ngày 14 tháng 10, bóng đèn được thay thế và khay giấy trên máy photocopy đã được sửa chữa cho cuộc gọi nhận được vào ngày 12 tháng 10. Mực máy photocopy đã được thay thế trong hai máy. Việc bảo trì định kỳ hàng năm đã được tiến hành trên năm máy photocopy cho mỗi hợp đồng dịch vụ hiện có.
Labor cost AED 330.00 Paper tray AED 50.00 Bulb AED 30.00 Copy ink AED 220.00 Total AED 630.00	Chi phí nhân công AED 330,00 Khay giấy AED 50,00 Bóng đèn AED 30.00 Sao chép mực AED 220.00 Tổng số AED 630,00



Total amount must be received by 31 October. Thank you for your business!	Tổng số tiền phải được nhận trước ngày 31 tháng 10. Cảm ơn vì công tác của bạn!
--	--

147. What is indicated about Jenkins Press?

(A) It has several offices around the world.

(B) Its copiers get checked every year.

(C) Its office equipment is outdated.

(D) It is a new customer of Shawqi Office Services.

147. Điều gì được chỉ ra về tờ báo Jenkins?

(A) Nó có một số văn phòng trên khắp thế giới.

(B) Máy photocopy của nó được kiểm tra hàng năm.

(C) Thiết bị văn phòng của nó đã lỗi thời.

(D) Nó là một khách hàng mới của các dịch vụ Văn phòng Shawqi.

Ta thấy trong báo cáo viết “Việc bảo trì định kỳ hàng năm đã được tiến hành” tức là máy photocopy được kiểm tra bảo dưỡng hàng năm. Đáp án B đúng.

148. When is payment due?

(A) October 12

(B) October 14

(C) October 18

(D) October 31

148. Khi nào đến hạn thanh toán?

(A) ngày 12 tháng 10

(B) ngày 14 tháng 10

(C) ngày 18 tháng 10

(D) ngày 31 tháng 10

Trong báo cáo viết “Tổng số tiền phải được nhận trước ngày 31 tháng 10.” Do đó hạn thanh toán là ngày 31 tháng 10. Câu D đúng.

Questions 149-151

<p>Harbour View Apartment- Porthmadog, Wales</p> <p>This one-bedroom apartment is perfect for a holiday escape! Located in a quiet area, it boasts a patio with a lovely view of the harbour. Recently renovated, the unit includes an eat-in kitchen with stove, refrigerator, microwave, and coffeepot; bathroom with walk-in shower; and a living room with a large-screen TV. Other amenities of the property include:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Short distance to restaurants and shops • Five-minute walk to the beach • Public gardens and historic sites within a 20-minute drive • Heat and electricity included • Towels and bed linens provided on-site • Daily cleaning service available (extra fee) • Wireless Internet access (extra fee) 	<p>Căn hộ Harbor View- Porthmadog, Wales</p> <p>Căn hộ một phòng ngủ này là hoàn hảo cho một kỳ nghỉ đưa nhau đi trốn! Nằm trong một khu vực yên tĩnh, nó tự hào có một sân trong với cảnh nhìn ra bến cảng đáng yêu. Mới được cải tạo gần đây, căn hộ bao gồm một bếp ăn với bếp, tủ lạnh, lò vi sóng và cà phê; phòng tắm có vòi sen không cửa ngăn; và một phòng khách với một TV màn hình lớn. Các tiện nghi khác của khách sạn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoảng cách ngắn đến nhà hàng và cửa hàng • Năm phút đi bộ đến bãi biển • Khu vườn công cộng và di tích lịch sử trong vòng 20 phút lái xe • Bao gồm nhiệt và điện • Khăn mặt và khăn trải giường được cung cấp tại chỗ • Dịch vụ dọn dẹp hàng ngày có sẵn (có tính phí thêm)
---	---



Reserve this lovely gem now! Signing a contract by March 30 will reduce the rental cost by 10 percent. To sign a contract, contact Dylan Barrett at dbarrett@telarentals.co.uk.

• Truy cập Internet không dây (có tính phí thêm)

Hãy đặt viên ngọc đáng yêu này ngay bây giờ! Ký hợp đồng trước ngày 30 tháng 3 sẽ giảm chi phí thuê 10 phần trăm. Để ký hợp đồng, liên hệ với Dylan Barrett tại dbarrett@telarentals.co.uk.

149. Who would the advertisement most likely interest?

- (A) Business travelers
- (B) Residents of Porthmadog
- (C) Property investors
- (D) Short-term vacationers**

Ta đọc thấy ở chỗ "...This one-bedroom apartment is perfect for a holiday escape" nghĩa là "Căn hộ một phòng ngủ này là hoàn hảo cho một kỳ nghỉ đưa nhau đi trốn" mà đi trốn thì là trong thời gian ngắn. Do đó câu D đúng.

150. What is indicated about the rental fee?

- (A) It includes tours of historic places.
- (B) It does not cover all of the apartment's features.**
- (C) It includes vouchers to use at local restaurants.
- (D) It requires a minimum 30 percent deposit in advance.

Trong các tiện nghi của căn hộ có 2 tính năng sẽ phải tính phí thêm đó là "Dịch vụ dọn dẹp hàng ngày có sẵn" và "Truy cập Internet không dây" do đó phí thuê sẽ không bao gồm tất cả các tính năng mà sẽ ngoại trừ 2 tính năng trên. Câu B đúng.

151. Why should an individual contact Mr. Barrett by March 30?

- (A) To get a discount on rent**
- (B) To schedule apartment renovations
- (C) To rent the last available property
- (D) To sell the property before the end of the season

Câu A đúng vì dẫn chứng là "Ký hợp đồng trước ngày 30 tháng 3 sẽ giảm chi phí thuê 10 phần trăm. Để ký hợp đồng, liên hệ với Dylan Barrett tại dbarrett@telarentals.co.uk". Do đó các cá nhân nên liên hệ Ông Barrett trước ngày 30 tháng 3 để được giảm giá thuê (giảm 10%)

149. Quảng cáo này nhiều khả năng sẽ hấp dẫn ai?

- (A) Du khách kinh doanh
- (B) Cư dân của Porthmadog
- (C) Các nhà đầu tư bất động sản
- (D) Những người đi nghỉ ngắn hạn**

150. Điều gì được chỉ ra về phí thuê?

- (A) Nó bao gồm các tour du lịch tới các địa điểm lịch sử.
- (B) Nó không bao gồm tất cả các tính năng của căn hộ**
- (C) Nó bao gồm các chứng từ để sử dụng tại các nhà hàng địa phương.
- (D) Nó yêu cầu tối thiểu 30 phần trăm đặt cọc trước.

151. Tại sao một cá nhân nên liên hệ với ông Barrett trước ngày 30 tháng 3?

- (A) Để được giảm giá thuê**
- (B) Để lên lịch sửa sang lại căn hộ
- (C) Để thuê tài sản có sẵn lần trước
- (D) Bán tài sản trước khi kết thúc mùa



Questions 152-153

Jason Salter (1:45 P.M.) Liz, the meeting is starting in fifteen minutes. Where are you?	Jason Salter (1:45 P.M.) Liz, cuộc họp bắt đầu sau mười lăm phút nữa. Cô ở đâu?
Liz Ortiz (1:47 P.M.) The train has been stopped on the tracks for a while. There seems to be some kind of problem. I still hope to make the meeting.	Liz Ortiz (1:47 P.M.) Tàu đã dừng trên đường ray một lúc. Đường như có một số vấn đề. Tôi vẫn hy vọng sẽ đến kịp cuộc họp.
Jason Salter (1:50 P.M.) Okay. I'll save you a seat.	Jason Salter (1:50 P.M.) Được. Tôi sẽ dành cho cô một chỗ ngồi.
Liz Ortiz (1:59 P.M.) There's just been an announcement. There's a disabled train up ahead. It'll be awhile.	Liz Ortiz (1:59 P.M.) Vừa có một thông báo. Có một chuyến tàu không chạy được ở phía trước. Sẽ mất một lúc.
Jason Salter (2:00 P.M.) Don't worry. If there are any questions for our department, I'll handle them.	Jason Salter (2:00 P.M.) Đừng lo lắng. Nếu có bất kỳ câu hỏi nào cho bộ phận của chúng ta, tôi sẽ xử lý chúng.
Liz Ortiz (2:01 P.M.) Thanks. I'll call you later.	Liz Ortiz (2:01 P.M.) Cảm ơn. Tôi sẽ gọi cho anh sau.

152. What is suggested about Mr. Salter?

- (A) He is leading the meeting.
- (B) He commutes to work by train.
- (C) He has many questions for Ms. Ortiz.
- (D) He works in the same department as Ms. Ortiz.**

Khi cô Ortiz ám chỉ về việc tàu không chạy và có thể mất một lúc để cô đến cuộc họp thì ông Salter nói là “Đừng lo lắng. Nếu có bất kỳ câu hỏi nào cho bộ phận của chúng ta, tôi sẽ xử lý chúng”. Do đó, ta suy ra được 2 người này làm việc trong cùng bộ phận. Câu D đúng.

152. Điều gì được đề xuất về ông Salter?

- (A) Anh ấy đang dẫn đầu cuộc họp.
- (B) Anh ấy đi làm bằng tàu hỏa.
- (C) Anh ấy có nhiều câu hỏi cho cô Ortiz.
- (D) Anh ấy làm việc trong cùng bộ phận với Cô Ortiz.**

153. At 1:59 P.M. , what does Ms. Ortiz imply when she writes, "It'll be awhile"?

- (A) The meeting is running late.
- (B) She is still preparing her notes.
- (C) She will likely miss the meeting.**
- (D) She has not boarded the train yet.

Chuyến tàu không chạy và “sẽ mất một lúc” để phải chờ tàu chạy, mà cuộc họp sẽ bắt đầu trong 15 phút nữa, nên rất có thể là cô Ortiz sẽ bỏ lỡ cuộc họp. Câu C đúng. Các câu còn lại không được đề cập đến trong đoạn trao đổi giữa hai người.

153. Lúc 1:59 P.M. , cô Ortiz ngụ ý gì khi cô ấy viết, "Sẽ một lúc thôi"?

- (A) Cuộc họp đang diễn ra muộn.
- (B) Cô ấy vẫn đang chuẩn bị ghi chú của mình.
- (C) Cô ấy có thể sẽ bỏ lỡ cuộc họp.**
- (D) Cô ấy vẫn chưa lên tàu.

Questions 154-155

E-Mail Message	Thư điện tử
----------------	-------------



From: tbogosian@ sardhasconvention.com

To: pradalaily@dmcv.com

Date: 22 March

Subject: Your reservation

Attachment: liD Prada party

Dear Ms. Prada,

Thank you for choosing Sardha's Banquet Hall to host your event on 30 August.

Unfortunately, West Hall will be under renovation in August, and we will be unable to accommodate your group in that room. However, your party will fit comfortably in East Hall. This room features floor-to-ceiling windows and a full view of the river. The 15 percent deposit we have received will hold the reservation.

As indicated when you completed your request through our Web site, your total price of \$1,600 includes a full-course meal that includes appetizers, soup or salad, main course, and dessert. Attached to this e-mail please find a copy of the menu presented to guests with options for appetizer and main course.

Tomas Bogosian

General Manager

Từ: tbogosian @ sardhasconvent.com

Tới: pradal Daily@dmcv.com

Ngày: 22 tháng 3

Chủ đề: Đặt phòng của bạn

Đính kèm: bên liD Prada

Kính gửi bà Prada,

Cảm ơn bà đã chọn Sardha's Banquet Hall để tổ chức sự kiện của bà vào ngày 30 tháng 8.

Thật không may, West Hall sẽ được sửa chữa vào tháng 8 và chúng tôi sẽ không thể chứa nhóm của bà trong căn phòng đó. Tuy nhiên, bữa tiệc của bà sẽ phù hợp thoải mái với East Hall. Phòng này có cửa sổ từ trần đến sàn và cái nhìn toàn cảnh ra dòng sông. Khoản tiền đặt cọc 15 phần trăm chúng tôi đã nhận được sẽ giữ chỗ cho bà.

Như đã được chỉ ra khi bà hoàn thành yêu cầu của mình qua trang web của chúng tôi, tổng giá 1.600 đô la của bà bao gồm một bữa ăn đầy đủ bao gồm các món khai vị, súp hoặc salad, món chính và món tráng miệng. Kèm theo e-mail này, vui lòng tìm một bản sao của menu được trình bày cho khách với các tùy chọn cho món khai vị và món chính.

Tomas Bogosian

Tổng giám đốc

154. What is one purpose of the e-mail?

(A) To cancel a reservation

(B) To apologize for an error

(C) To indicate a room change

(D) To request an extra deposit

154. Một mục đích của e-mail là gì?

(A) Để hủy đặt phòng

(B) Để xin lỗi vì một lỗi

(C) Để chỉ ra một sự thay đổi phòng

(D) Để yêu cầu một khoản tiền gửi thêm

Trong email có viết “West Hall sẽ được sửa chữa vào tháng 8 và chúng tôi sẽ không thể chứa nhóm của bà trong căn phòng đó” và chuyển sang tổ chức ở East Hall. Điều này đồng nghĩa với việc email này nhằm chỉ ra một sự thay đổi phòng. Câu C đúng.

155. What is suggested about Ms. Prada?

(A) She has paid her bill in full.

(B) She eats at Sardha's regularly.

(C) She works in the food industry.

(D) She made the reservation online.

155. Điều gì được đề xuất về bà Prada?

(A) Bà ấy đã thanh toán hóa đơn đầy đủ.

(B) Bà ấy ăn ở Sardha thường xuyên.

(C) Bà ấy làm việc trong ngành công nghiệp thực phẩm.

(D) Bà ấy đã đặt phòng trực tuyến.



Trong email viết là “Như đã được chỉ ra khi bà hoàn thành yêu cầu của mình qua trang web của chúng tôi” tức là bà ấy đã đặt chỗ trực tuyến. Câu D đúng.

Questions 156-157

<p>MEMO</p> <p>To: All Employees From: IT Supervisor Subject: OS Update Date: 27 May</p> <p>All company computers in the Melbourne and Victoria offices require an update to the operating system. This update will prepare our computers for the new version of our accounting software, which should arrive in the first week of July. Technicians will install the new operating system beginning on 3 June. We expect the process to be completed around 16 June, providing time to work out any bugs with the operating system before the accounting software is uploaded.</p> <p>Completing the entire process will require you to log in so that we can verify the system is working as anticipated. Therefore, if you plan to go on holiday during this period, please inform IT Support immediately of the dates you will be out so that we can plan an alternate date to accommodate your schedule.</p> <p>If you have any questions, please contact IT Support staff at extension 48.</p>	<p>GHI CHÚ</p> <p>Kính gửi: Tất cả nhân viên Từ: Giám sát CNTT Chủ đề: Cập nhật hệ điều hành Ngày: 27 tháng 5</p> <p>Tất cả các máy tính của công ty tại văn phòng Melbourne và Victoria đều yêu cầu cập nhật hệ điều hành. Bản cập nhật này sẽ chuẩn bị cho các máy tính của chúng tôi phiên bản mới của phần mềm kế toán, sẽ xuất hiện vào tuần đầu tiên của tháng 7. Kỹ thuật viên sẽ cài đặt hệ điều hành mới bắt đầu vào ngày 3 tháng Sáu. Chúng tôi hy vọng quá trình này sẽ được hoàn thành vào khoảng ngày 16 tháng 6, điều này cung cấp thời gian để khắc phục mọi lỗi với hệ điều hành trước khi phần mềm kế toán được tải lên.</p> <p>Việc hoàn thành toàn bộ quá trình sẽ đòi hỏi bạn đăng nhập để chúng tôi có thể xác minh hệ thống đang hoạt động như dự đoán. Do đó, nếu bạn có kế hoạch đi nghỉ trong thời gian này, vui lòng thông báo cho bộ phận Hỗ trợ CNTT ngay lập tức về những ngày bạn sẽ ra ngoài để chúng tôi có thể lên kế hoạch một ngày thay thế để phù hợp với lịch trình của bạn.</p> <p>Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với nhân viên Hỗ trợ CNTT tại số máy nhánh 48.</p>
---	--

156. When is the installation of the operating system expected to be finished?

- (A) In the first week of June
- (B) In the middle of June**
- (C) At the end of June
- (D) In the first week of July

Ghi chú có viết “Kỹ thuật viên sẽ cài đặt hệ điều hành mới bắt đầu vào ngày 3 tháng Sáu. Chúng tôi hy vọng quá trình này sẽ được hoàn thành vào khoảng ngày 16 tháng 6” hay nói cách khác là họ dự kiến sẽ kết thúc việc lắp đặt hệ điều hành vào giữa tháng 6. Câu D đúng.

156. Khi nào việc lắp đặt hệ điều hành dự kiến sẽ được kết thúc?

- (A) Trong tuần đầu tiên của tháng sáu
- (B) Vào giữa tháng sáu**
- (C) Vào cuối tháng sáu
- (D) Trong tuần đầu tiên của tháng bảy



157. Who is asked to contact IT Support?
(A) Employees who do not need the accounting software
(B) Accountants already using the new operating system
(C) Staff who work outside the offices
(D) **Employees who are taking time off**
157. Ai được yêu cầu liên hệ với bộ phận Hỗ trợ CNTT?
(A) Nhân viên không cần phần mềm kế toán
(B) Kế toán đã sử dụng mới hệ điều hành
(C) Nhân viên làm việc bên ngoài văn phòng
(D) **Các nhân viên mà sẽ nghỉ làm một thời gian**

Ta thấy “if you plan to go on holiday during this period, please inform IT Support immediately of the dates”, ta có “plan to go on holiday” (dự định đi kỳ nghỉ) đồng nghĩa với “taking time off” (nghỉ làm một thời gian) và “inform IT Support immediately” (báo với bộ phận hỗ trợ CNTT ngay lập tức) thì đồng nghĩa với “contact IT Support” (liên hệ bộ phận hỗ trợ CNTT).

Questions 158-160

<p>Clarke-Ellis Construction #20 Murphy Industrial Park St. Michael BB23028 1-246-555-0126</p> <p>Full-service commercial contractor serving all of Barbados</p> <p>4 June Ida Gutierrez Darling Cove Inn Mango Drive Folkestone BB24017 Dear Ms. Gutierrez, Thank you for contacting Clarke-Ellis Construction for your roofing project. - [1] -. After inspecting the property, I have confirmed that the inn's main roof is in good condition and requires no repairs at this time. However, the roof of the inn's porch appears to be at least twenty years old and is worn beyond repair. - [2]-. Clarke-Ellis Construction can remove and dispose of the existing porch roof and install a new one. The replacement will be comparable to the quality, style, and colour of the inn's main roof. We will use only commercial-grade leak barriers, insulation, and shingles</p>	<p>Xây dựng Clarke-Ellis # 20 Khu công nghiệp Murphy Thánh Michael BB23028 1-246-555-0126</p> <p>Nhà thầu thương mại đầy đủ dịch vụ phục vụ tất cả các quốc gia Barbados</p> <p>4 tháng 6 Ida Gutierrez Nhà trọ Darling Cove Ổ đĩa Mango Folkestone BB24017 Kính gửi cô Gutierrez, Cảm ơn cô đã liên hệ với Clarke-Ellis Construction cho dự án lợp mái của cô. Sau khi kiểm tra tài sản, tôi đã xác nhận rằng mái nhà chính của nhà trọ đang trong tình trạng tốt và không yêu cầu sửa chữa tại thời điểm này. Tuy nhiên, mái hiên của nhà trọ dường như ít nhất hai mươi năm tuổi và bị mòn sau khi sửa chữa. Nó phải được thay thế. Công ty xây dựng Clarke-Ellis có thể tháo dỡ và loại bỏ mái hiên hiện có và lắp đặt một mái nhà mới. Sự thay thế sẽ tương đương với chất lượng, kiểu dáng và màu sắc của mái nhà chính của nhà trọ. Chúng tôi sẽ chỉ sử dụng các rào rì rĩ cấp thương mại, vật liệu cách nhiệt và các tấm lợp sản</p>
--	---



<p>manufactured by West Indies Weatherproofing, Inc. The estimated total cost, inclusive of labour and materials, is \$3,260. - [3]-.</p> <p>Additional fees would apply should you want us to make other improvements, such as painting the porch or replacing porch screens. Please call me at the number above to discuss scheduling or any questions you have about the work.- [4] -. I hope to hear from you soon.</p> <p>Sincerely, Grayson Clarke, Co-owner, Clarke-Ellis Construction</p>	<p>xuất bởi công ty West Indies Weatherproofing. Tổng chi phí ước tính, bao gồm nhân công và vật liệu, là 3.260 đô la.</p> <p>Phí bổ sung sẽ được áp dụng nếu bạn muốn chúng tôi thực hiện các cải tiến khác, chẳng hạn như sơn mái hiên hoặc thay thế màn hình hiên.</p> <p>Hãy gọi cho tôi theo số ở trên để thảo luận về lịch trình hoặc bất kỳ câu hỏi nào cô có về công việc. Tôi mong sẽ nhận được hồi âm của cô sớm.</p> <p>Trân trọng, Grayson Clarke, đồng sở hữu, Công ty Xây dựng Clarke-Ellis</p>
---	---

158. Why did Mr. Clarke write the letter?

- (A) To provide a work proposal
- (B) To ask for a project extension
- (C) To request an inspection report
- (D) To submit a revised cost estimate

Sau khi đọc lướt toàn bộ email thì ta thấy ông Clarke, chủ công ty Clarke-Ellis muốn đề xuất việc loại bỏ mái hiên hiện có và lắp đặt mái nhà mới cho cô Gutierrez. Câu A đúng.

158. Tại sao ông Clarke viết thư?

- (A) Để cung cấp một đề xuất công việc
- (B) Để yêu cầu gia hạn dự án
- (C) Để yêu cầu một báo cáo kiểm tra
- (D) Để gửi một ước tính chi phí đã sửa đổi

159. What is indicated about West Indies Weatherproofing, Inc.?

- (A) It is installing a new porch at Darling Cove Inn.
- (B) It provides painting services.
- (C) It produces roofing materials.
- (D) It is owned by Clarke-Ellis Construction.

159. Điều gì được chỉ ra về công ty West Indies Weatherproofing?

- (A) Nó đang lắp đặt một hiên mới tại Nhà trọ Darling Cove.
- (B) Nó cung cấp các dịch vụ sơn.
- (C) Nó sản xuất vật liệu lợp mái.
- (D) Nó thuộc sở hữu của Clarke-Ellis Construction.

Ta thấy câu “We will use only commercial-grade leak barriers, insulation, and shingles manufactured by West Indies Weatherproofing, Inc” nghĩa là “Chúng tôi sẽ chỉ sử dụng các rào rò rỉ cấp thương mại, vật liệu cách nhiệt và các tấm lợp sản xuất bởi công ty West Indies Weatherproofing” mà “các rào rò rỉ cấp thương mại, vật liệu cách nhiệt và các tấm lợp” chính là các vật liệu lợp mái. Câu C đúng.

160. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

"It must be replaced."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]

160. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] câu nào sau đây thuộc về câu nào tốt nhất?

"Nó phải được thay thế."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]



(D) [4]

Câu “It must be replaced” nghĩa là “nó phải được thay thế” tức là câu trước đó phải nhắc đến một vật nào đó đã bị hư hỏng. Ta thấy câu đứng trước vị trí số [2] nói đến việc “mái hiên của nhà trọ dường như ít nhất hai mươi năm tuổi và bị mòn sau khi sửa chữa” nên ta suy ra là mái hiên này phải được thay. Vậy nên vị trí số 2 là thích hợp cho câu “nó phải được thay thế nhất”. Câu B đúng.

Questions 161-164

(D) [4]

<p>Position: Assistant Editor Date Posted: March 15 Description Goldhorse Press, an independent book publishing company focusing on North American gardening, has provided gardening advice for home gardeners for over 50 years. We are currently seeking an assistant editor to join our expanding team in Charlotte, North Carolina. We offer an excellent benefits package that includes medical and dental insurance. Responsibilities Assist editors in the acquisition of titles with mainstream appeal; develop manuscripts, collaborate with outside support, and work closely with two managing editors. Requirements/Qualifications</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bachelor's degree in a related field • Minimum of one year of experience in the publishing industry • Ability to pay close attention to detail • Comfortable working as a team member • Some experience in gardening preferred • Immediate availability <p>E-mail resume and salary requirements to humanresources@goldhorsepress.com.</p>	<p>Chức vụ: Trợ lý biên tập viên Ngày đăng: 15 tháng 3 Mô tả Goldhorse Press, một công ty xuất bản sách độc lập tập trung vào việc làm vườn ở Bắc Mỹ, đã cung cấp lời khuyên làm vườn cho những người làm vườn tại nhà trong hơn 50 năm. Chúng tôi hiện đang tìm kiếm một biên tập viên trợ lý để tham gia nhóm mở rộng của chúng tôi tại Charlotte, Bắc Carolina. Chúng tôi cung cấp một gói lợi ích tuyệt vời bao gồm bảo hiểm y tế và nha khoa. Trách nhiệm Hỗ trợ các biên tập viên trong việc mua lại các tiêu đề với sự hấp dẫn chủ đạo; phát triển bản thảo, cộng tác với sự hỗ trợ từ bên ngoài và hợp tác chặt chẽ với hai biên tập viên quản lý. Yêu cầu / Trình độ chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bằng cử nhân trong một lĩnh vực liên quan • Tối thiểu một năm kinh nghiệm trong ngành xuất bản • Khả năng chú ý đến chi tiết • Thoải mái làm việc như một thành viên trong nhóm • Một số kinh nghiệm trong việc làm vườn sẽ được ưu tiên • Sự có mặt tức thời <p>Hãy gửi email sơ yếu lý lịch và yêu cầu lương đến địa chỉ: humanresources@goldhorsepress.com.</p>
---	--

161. What title would most likely be published by Goldhorse Press?

- (A) Growing Your Baking Business
- (B) A Tour Guide to North Carolina
- (C) **Planting Perennial Flowers**
- (D) The Efficient Executive

161. Tiêu đề nào nhiều khả năng sẽ được xuất bản bởi tờ báo Goldhorse?

- (A) Phát triển kinh doanh làm bánh của bạn
- (B) Hướng dẫn du lịch đến Bắc Carolina
- (C) **Trồng hoa lâu năm**
- (D) Điều hành hiệu quả



Ở phần mô tả ta thấy Goldhorse Press tập trung vào việc làm vườn và đã cung cấp lời khuyên làm vườn cho những người làm vườn tại nhà. Do đó tiêu đề của tờ báo này phải là liên quan đến việc làm vườn, ta thấy có câu C là liên quan nhất (trồng hoa). Do đó câu C đúng.

162. What is indicated about Goldhorse Press?

- (A) It is hiring two assistant editors.
- (B) It provides insurance to employees.**
- (C) It publishes trade journals.
- (D) It is a newly established company.

Cũng trong phần mô tả có nhắc đến việc “Chúng tôi cung cấp một gói lợi ích tuyệt vời bao gồm bảo hiểm y tế và nha khoa” nên ta suy ra là tờ báo này cung cấp bảo hiểm cho nhân viên.

162. Điều gì được chỉ ra về tờ báo Goldhorse?

- (A) Nó đang thuê hai biên tập viên trợ lý.
- (B) Nó cung cấp bảo hiểm cho nhân viên.**
- (C) Nó xuất bản các tạp chí thương mại.
- (D) Nó là một công ty mới thành lập.

163. What is a requirement for the advertised position?

- (A) A passion for gardening
- (B) An aptitude for noticing details**
- (C) A master's degree in a related field
- (D) An ability to work without supervision

Câu B đúng vì ta có dẫn chứng nằm ở phần yêu cầu, rằng yêu cầu “Ability to pay close attention to detail” nghĩa là “Khả năng chú ý đến chi tiết”, và đáp án B (An aptitude for noticing details) sử dụng các từ ngữ khác nhưng có cùng ý nghĩa với nội dung trong bài quảng cáo.

163. Yêu cầu cho vị trí được quảng cáo là gì?

- (A) Một niềm đam mê làm vườn
- (B) Khả năng chú ý đến những chi tiết**
- (C) Bằng thạc sĩ trong lĩnh vực liên quan
- (D) Khả năng làm việc mà không cần giám sát

164. What are applicants asked to do?

- (A) Submit a job application form
- (B) Submit a list of references
- (C) Indicate availability
- (D) Indicate desired pay**

Cuối email có viết “E-mail resume and salary requirements to humanresources@goldhorsepress.com” nghĩa là “Hãy gửi email sơ yếu lý lịch và yêu cầu lương đến địa chỉ: humanresources@goldhorsepress.com”. Vậy là ứng viên được yêu cầu phải gửi yêu cầu mức lương mong muốn của họ qua email. Câu D đúng.

164. Ứng viên được yêu cầu làm gì?

- (A) Nộp mẫu đơn xin việc
- (B) Nộp danh sách tài liệu tham khảo
- (C) Cho biết sự sẵn sàng có mặt
- (D) Cho biết mức lương mong muốn**

Questions 165-168

Derek Marshall [8:19A.M.] Hi, everyone. I wanted to give an update on our merger with Ridgewood, Inc., and see if you have had any meetings.	Derek Marshall [8:19 A.M.] Chào mọi người. Tôi muốn đưa ra một bản cập nhật về việc sáp nhập của chúng ta với công ty Ridgewood, và xem bạn đã có cuộc họp nào chưa.
Mai Chung [8:20A.M.] Have we worked out which of our Derek Boutique locations will stay open?	Mai Chung [8:20 A.M.] Chúng ta đã quyết định địa điểm nào trong Derek Boutique của chúng ta sẽ vẫn mở cửa chưa?
Derek Marshall [8:21 A.M.]	Derek Marshall [8:21 A.M.]



Yes, Derek Boutique will keep 35 stores open with the full line of clothing. The other 12 will move their inventory to the Ridgewood, Inc., locations.	Rồi, Derek Boutique sẽ giữ 35 cửa hàng mở cửa với đầy đủ các dòng quần áo. 12 cái còn lại sẽ chuyển hàng tồn kho của chúng đến các địa điểm của công ty Ridgewood.
Nikita Tamboli [8:22A.M.] When should the moves be scheduled? This month?	Nikita Tamboli [8:22 A.M.] Khi nào các công việc di chuyển nên được lịch trình? Tháng này à?
Derek Marshall [8:23 A.M.] No, the 12 locations don't need to be vacated until the end of next month. Could you schedule this for five weeks from now?	Derek Marshall [8:23 A.M.] Không, 12 địa điểm không cần phải bỏ trống cho đến cuối tháng sau. Bạn có thể lên lịch cho điều này trong năm tuần tới kể từ bây giờ không?
Anthony Rossi [8:24A.M.] I met over lunch with my managers earlier this week, including the two that I just hired.	Anthony Rossi [8:24 A.M.] Tôi đã gặp những người quản lý của tôi ở bữa trưa vào đầu tuần này, bao gồm cả hai người mà tôi mới thuê.
Nikita Tamboli [8:25 A.M.] That would work.	Nikita Tamboli [8:25 A.M.] Điều đó khả thi đấy.
Mai Chung [8:27A.M.] I'll be meeting with the managers on my staff, too, to review the transition plan.	Mai Chung [8:27 A.M.] Tôi cũng sẽ gặp các nhà quản lý trong đội ngũ nhân viên của mình để xem xét kế hoạch chuyển đổi.
Derek Marshall [8:28A.M.] This is good work, everyone.	Derek Marshall [8:28 A.M.] Làm tốt lắm, mọi người.
Anthony Rossi [8:29A.M.] When will the whole process be complete?	Anthony Rossi [8:29 A.M.] Khi nào toàn bộ quá trình sẽ làm xong?
Derek Marshall [8:30A.M.] Within about 6 months.	Derek Marshall [8:30 A.M.] Trong vòng khoảng 6 tháng.

165. Where do the writers most likely work?

- (A) At a marketing firm
- (B) At a clothing company**
- (C) At a real estate agency
- (D) At a newspaper publisher

165. Những người viết có khả năng làm việc ở đâu nhất?

- (A) Tại một công ty tiếp thị
- (B) Tại một công ty quần áo**
- (C) Tại một cơ quan bất động sản
- (D) Tại một nhà xuất bản báo

Marshall có nhắc đến “cửa hàng Derek sẽ giữ 35 cửa hàng mở cửa với đầy đủ các dòng quần áo” nên ta suy ra là họ rất có khả năng làm việc ở một cửa hàng công ty quần áo.



166. How many stores will be closing?

- (A) 5
- (B) 6
- (C) 12
- (D) 35

166. Có bao nhiêu cửa hàng sẽ đóng cửa?

- (A) 5
- (B) 6
- (C) 12
- (D) 35

Marshall viết rằng “Derek Boutique sẽ giữ 35 cửa hàng mở cửa ... 12 cái còn lại sẽ chuyển hàng tồn kho của chúng đến các địa điểm của công ty Ridgewood”. Do đó ta suy ra là chỉ giữ lại 35 cửa hàng, còn 12 cửa hàng còn lại sẽ được đóng cửa, và hàng tồn kho của chúng sẽ chuyển về lại công ty mà nó sắp sáp nhập (Ridgewood).

167. At 8:25A.M., what does Ms. Tamboli most likely mean when she writes, "That would work"?

- (A) The current inventory will be doubled.
- (B) Ridgewood, Inc., will close in two weeks.
- (C) Mr. Marshall will meet with the managers.
- (D) She can schedule the moves in the proposed time frame.

167. Vào lúc 8:25 A.M., Cô Tamboli rất có thể có ý nghĩa gì khi cô viết "Điều đó khả thi đấy"?

- (A) Hàng tồn kho hiện tại sẽ được nhân đôi.
- (B) Ridgewood, Inc., sẽ đóng cửa sau hai tuần nữa.
- (C) Ông Marshall sẽ gặp các nhà quản lý.
- (D) Cô ấy có thể lên lịch di chuyển trong khung thời gian đề xuất.

Khi cô Marshall hỏi “Bạn có thể lên lịch cho điều này trong năm tuần tới kể từ bây giờ không” thì cô Tamboli trả lời rằng “That would work” (Điều đó khả thi đấy). Khi viết câu này cô Tamboli có ý là cô ấy có thể lên lịch di chuyển trong khung thời gian được đề xuất (trong năm tuần). Câu D đúng.

168. What is suggested about Ms. Chung and Mr. Rossi?

- (A) They supervise other employees.
- (B) They often shop at Ridgewood, Inc.
- (C) They recently went to lunch together.
- (D) They have concerns about the merger.

168. Điều gì được đề xuất về cô Chung và Ông Rossi?

- (A) Họ giám sát các nhân viên khác.
- (B) Họ thường mua sắm tại Ridgewood, Inc.
- (C) Gần đây họ đã đi ăn trưa cùng nhau.
- (D) Họ có mối quan tâm về việc sáp nhập công ty.

Ông Rossi viết là “Tôi đã gặp những người quản lý của tôi ở bữa trưa vào đầu tuần này...” và cô Chung viết là “Tôi cũng sẽ gặp các nhà quản lý trong đội ngũ nhân viên của mình...” Do đó họ đang giám sát các nhân viên khác. Câu A đúng.

Questions 169-171

From the Shadows to the Limelight	Từ bóng tối đến ánh đèn sân khấu
By Calum Ellwood	Bởi Calum Ellwood
Dr. Esther Nujoma, an agricultural biotechnologist with the Namibia Institute of	Tiến sĩ Esther Nujoma, một nhà công nghệ sinh học nông nghiệp thuộc Viện Khoa học Ứng dụng



Applied Sciences, is the author of several books on the practical applications of biotechnology. - [1] - . According to book critic Paige Kinnock of the London Daily Register, "Dr. Nujoma has increased the public's awareness of the role of biotechnology in daily life through her ability to translate highly complex scientific material into simple language."

Her latest work, *Shining Behind Shadows*, marks a departure from her usual subject matter. - [2] -. Rather, the book highlights the lives and careers of twelve of her peers from Africa and Asia. The idea came to her three years ago at a conference in Chile. As Dr. Nujoma recalls, "Listening to one speaker after another, I realized that many of my colleagues are from regions of the world, such as Africa and Asia, that were underrepresented." - [3] - .

The book is quite compelling. Dr. Nujoma brings to life the stories of how her peers were drawn to the profession and the effort they pour into their work.

The book does, however, fall short in one respect: it provides insights only into the lives and careers of those working in the field of agricultural biotechnology. I would have welcomed the stories of those specializing in animal, marine, or medical biotechnology, too. - [4] - . Even so, Dr. Nujoma has again succeeded in creating a work that speaks to experts and laypeople alike.

Namibia, là tác giả của một số cuốn sách về các ứng dụng thực tế của công nghệ sinh học. Theo nhà phê bình sách Paige Kinnock của Sổ đăng ký hàng ngày London, "Tiến sĩ Nujoma đã nâng cao nhận thức của công chúng về vai trò của công nghệ sinh học trong cuộc sống hàng ngày thông qua khả năng dịch tài liệu khoa học phức tạp cao sang ngôn ngữ đơn giản".

Tác phẩm mới nhất của cô, *Tỏa sáng Phía sau bóng tối*, đánh dấu một điểm khởi hành khởi chủ đề thông thường của cô. **Trọng tâm của nó không phải là ứng dụng công nghệ sinh học trong các tình huống thực tế.** Thay vào đó, cuốn sách nhấn mạnh cuộc sống và sự nghiệp của mười hai đồng nghiệp của cô đến từ Châu Phi và Châu Á. Ý tưởng đã đến với cô ba năm trước tại một hội nghị ở Chile. Như Tiến sĩ Nujoma nhớ lại, "Lắng nghe người nói này đến người khác, tôi nhận ra rằng nhiều đồng nghiệp của tôi đến từ các khu vực trên thế giới, như Châu Phi và Châu Á, đã được đại diện."

Cuốn sách khá hấp dẫn. Tiến sĩ Nujoma mang đến những câu chuyện về cách các đồng nghiệp của cô đã bị cuốn hút vào nghề và nỗ lực họ đổ vào công việc của họ.

Tuy nhiên, cuốn sách lại thiếu một khía cạnh: nó chỉ cung cấp những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống và sự nghiệp của những người làm việc trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp. Tôi sẽ hoan nghênh những câu chuyện của những người chuyên về công nghệ sinh học động vật, biển hoặc y tế.

Mặc dù vậy, Tiến sĩ Nujoma đã một lần nữa thành công trong việc tạo ra một tác phẩm nói chuyện với các chuyên gia và giáo dân.

169. What is NOT indicated about Dr. Nujoma?

- (A) She has visited Chile.
- (B) She is a talented writer.
- (C) She is based out of Namibia.
- (D) She was interviewed by the London Daily Register.**

Các đáp án A, B, C đều được chỉ ra trong văn bản: "The idea came to her three years ago at a conference in Chile" tức là tiến sĩ Nujoma đã từng đến Chile và tham gia một hội nghị ở đó (câu

169. Điều gì KHÔNG được chỉ ra về Tiến sĩ Nujoma?

- (A) Cô ấy đã đến thăm Chile.
- (B) Cô ấy là một tác giả tài năng.
- (C) Cô ấy làm việc ở Namibia.
- (D) Cô đã được phỏng vấn bởi London Daily Register.**



A), “Dr. Nujoma ... her ability to translate highly complex scientific material into simple language” tức là Tiến sĩ Nujoma có khả năng dịch tài liệu khoa học phức tạp cao sang ngôn ngữ đơn giản, do đó cô là một tác giả tài năng (câu B) và “một nhà công nghệ sinh học nông nghiệp thuộc Viện Khoa học Ứng dụng Namibia” tức là cô ấy làm việc ở Namibia (câu C). Chỉ có câu D là không được nhắc đến nên ta chọn câu D.

170. What does Mr. Ellwood say about Shining Behind Shadows?

(A) It focuses on scientists from Africa and Asia.

(B) It was released three years ago.

(C) It details why Dr. Nujoma chose her career.

(D) It describes various branches of biotechnology.

Khi nói về cuốn sách “Shining behind Shadows”, ta thấy có nhắc đến “the book highlights the lives and careers of twelve of her peers from Africa and Asia” nghĩa là “cuốn sách nhấn mạnh cuộc sống và sự nghiệp của mười hai đồng nghiệp của cô đến từ Châu Phi và Châu Á”, tức là tập trung vào các nhà khoa học từ Châu Phi và Châu Á. Câu A đúng.

171. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

"Its focus is not on applying biotechnology in real-life situations."

(A) [1]

(B) [2]

(C) [3]

(D) [4]

Câu “Its focus is not on applying biotechnology in real-life situations” là đang đề cập đến trọng tâm của tác phẩm. Do đó ta cần tìm vị trí nào mà xung quanh có liên quan đến trọng tâm của tác phẩm. Ta thấy sau vị trí số [2] có câu “Thay vào đó, cuốn sách nhấn mạnh cuộc sống và sự nghiệp của mười hai đồng nghiệp của cô đến từ Châu Phi và Châu Á” là đang đề cập đến trọng tâm/ điểm nhấn của tác phẩm. Do đó đặt câu ““Its focus is not on applying biotechnology in real-life situations” vào vị trí số 2 là thích hợp nhất.

170. Ông Ellwood nói gì về Cuốn sách Tỏa sáng đằng sau bóng tối?

(A) Nó tập trung vào các nhà khoa học từ Châu Phi và Châu Á.

(B) Nó đã được phát hành ba năm trước.

(C) Nó giải thích chi tiết tại sao Tiến sĩ Nujoma chọn nghề nghiệp của mình.

(D) Nó mô tả các nhánh khác nhau của công nghệ sinh học.

171. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4], ở vị trí nào câu sau đây thuộc về?

"Trọng tâm của nó không phải là ứng dụng công nghệ sinh học trong các tình huống thực tế."

(A) [1]

(B) [2]

(C) [3]

(D) [4]

Questions 172-175

KINGSTON-GARNET ISLAND	ISLAND	DỊCH VỤ PHÀ CHỖ HÀNH KHÁCH Ở ĐẢO KINGSTON-GARNET
PASSENGER FERRY SERVICE		
General Information		Thông tin chung
Beginning on 15 May, the Kingston-Garnet Island Passenger Ferry Service will resume service for eight weeks during the summer		Bắt đầu từ ngày 15 tháng 5, Dịch vụ phà chở khách trên đảo Kingston-Garnet sẽ tiếp tục phục vụ trong tám tuần suốt mùa hè. Phà chạy



season. Ferries run daily every half hour from 7 a.m. to 8 p.m. The last ferry to Garnet Island will depart at 7:30 p.m. The last ferry from Garnet Island will leave at 8 p.m.

Bicycles are permitted on the passenger ferries. Bicyclists should arrive 30 minutes prior to departure and wait in the special bicycle lane to be loaded first. There are five racks that hold 50 bicycles on every passenger ferry.

No motorized vehicles are permitted on Garnet Island. Overnight parking is allowed in the main ferry terminal lot in Kingston. Rates are \$5 per hour for up to 4 hours and a flat fee of \$25 for four to 24 hours.

Visit our Web site at www.kgferryservice.com for photographs of the ferry boats, a map of Garnet Island, lists of local attractions on the island, and information about peak-hour fare increases and group discounts.

hàng ngày mỗi nửa giờ từ 7 giờ sáng đến 8 giờ tối. Chuyến phà cuối cùng đến đảo Garnet sẽ khởi hành lúc 7:30 tối. Chuyến phà cuối cùng từ đảo Garnet sẽ khởi hành lúc 8 giờ tối. Xe đạp được phép trên phà chở khách. Người đi xe đạp nên đến 30 phút trước khi khởi hành và đợi trong làn đường xe đạp đặc biệt để được đưa lên phà trước. Có năm giá đỡ giữ 50 xe đạp trên mỗi phà chở khách.

Không có phương tiện cơ giới nào được cho phép trên đảo Garnet. Bãi đậu xe qua đêm được cho phép tại khu vực bến phà chính ở Kingston. Giá là \$ 5 mỗi giờ trong tối đa 4 giờ và phí cố định là \$ 25 trong bốn đến 24 giờ.

Truy cập trang web của chúng tôi tại www.kgferryservice.com để xem hình ảnh của những chiếc phà, bản đồ đảo Garnet, danh sách các điểm tham quan địa phương trên đảo và thông tin về việc tăng giá vé vào giờ cao điểm và giảm giá theo nhóm.

172. What is indicated about the ferry service?

- (A) **It is available only seasonally.**
- (B) Its boats were recently upgraded.
- (C) It takes an hour to reach the island.
- (D) It runs more frequently on weekends.

Ta đọc thấy “Bắt đầu từ ngày 15 tháng 5, dịch vụ phà chở khách trên đảo Kingston-Garnet sẽ tiếp tục phục vụ trong tám tuần trong mùa hè” nghĩa là nó chỉ có vào mùa hè (câu A). Các đáp án còn lại không được đề cập. Câu A đúng.

172. Những gì được chỉ định về dịch vụ phà?

- (A) **Nó chỉ có sẵn theo mùa.**
- (B) Thuyền của nó gần đây đã được nâng cấp.
- (C) Phải mất một giờ để đến đảo.
- (D) Nó chạy thường xuyên hơn vào cuối tuần.

173. What is true about bicyclists on the ferries?

- (A) They are last to board the boat.
- (B) They must purchase a special ticket.
- (C) They cannot travel on the 7:30 P.M. trip.
- (D) **They should arrive at the terminal early.**

173. Điều gì đúng về người đi xe đạp trên phà?

- (A) Họ là người cuối cùng lên thuyền.
- (B) Họ phải mua một vé đặc biệt.
- (C) Họ không thể đi du lịch vào 7:30 P.M. chuyến đi.
- (D) **Họ nên đến nhà ga sớm.**

Khi đọc về “bicyclists” ta thấy có viết “Bicyclists should arrive 30 minutes prior to departure and wait in the special bicycle lane to be loaded first” nghĩa là “Người đi xe đạp nên đến 30 phút trước khi khởi hành và đợi trong làn đường xe đạp đặc biệt để được đưa lên phà trước”. Điều này đồng nghĩa với việc họ phải đến nhà ga sớm.



174. What is not allowed on Garnet Island?

- (A) Renting bicycles
- (B) Driving cars**
- (C) Camping overnight
- (D) Taking photographs

174. Điều gì không được phép trên Đảo Garnet?

- (A) Thuê xe đạp
- (B) Lái xe ô tô**
- (C) Cắm trại qua đêm
- (D) Chụp ảnh

Ta đọc thấy “No motorized vehicles are permitted on Garnet Island” nghĩa là “Không có phương tiện cơ giới nào được phép trên đảo Garnet”. Điều này đồng nghĩa với việc lái xe ô tô thì không được phép trên đảo. Câu B đúng.

175. What is indicated about the ferry tickets?

- (A) They can be purchased at stores in Kingston.
- (B) They are less expensive for children.
- (C) They vary in price depending on the time of travel.**
- (D) They are more expensive if purchased on the boat.

175. Điều gì được chỉ ra về vé phà?

- (A) Chúng có thể được mua tại các cửa hàng ở Kingston.
- (B) Chúng ít tốn kém hơn cho trẻ em.
- (C) Chúng khác nhau về giá tùy thuộc vào thời gian di chuyển.**
- (D) Chúng đắt hơn nếu mua trên thuyền.

Cuối văn bản có nói về việc tăng giá vé vào giờ cao điểm. Do đó nếu như di chuyển vào những giờ cao điểm thì giá sẽ khác so với bình thường. Điều này đồng nghĩa với việc giá vé phà sẽ khác nhau tùy thuộc vào thời gian di chuyển. Câu C đúng.

Questions 176-180

Thank you for shopping at Green Stripe Press. Order Number: GSP20896 Customer Information: Shoebox Mountain Jason Ho <jasonho@shoeboxmountain.com> Order Date: December 14 (PREPAID: online order) Expected Delivery: December 18-20				Cảm ơn bạn đã mua sắm tại Green Stripe Press. Số thứ tự: GSP20896 Thông tin khách hàng: Shoebox Mountain Jason Ho <jasonho@shoeboxmchè.com> Ngày đặt hàng: 14 tháng 12 (Đã trả trước: đặt hàng trực tuyến) Giao hàng dự kiến: 18-20 /12			
Quantity	Item #	Item	Price	Số lượng	Mặt hàng #	Mặt hàng	Giá
1	CAL201	Complimentary Wild Animals Calendar	\$ 0.00	1	CAL201	Lịch động vật hoang dã miễn phí	\$ 0.00
7	ARB132	Accounting Record Book (\$19.99 each)	\$139.93	7	ARB132	Sổ ghi chép kế toán	\$139.93
						Tổng phụ	\$139.93
						Giảm giá	\$ 0.00
		Subtotal	\$139.93			Thuế@ 6%	\$ 8.40
		Discount	\$ 0.00				



		Tax@ 6%	\$ 8.40			Vận chuyển và	\$ 0.00
		Shipping & Handling	\$ 0.00			xử lý	
		Tổng cộng	\$148.33				
		Total	\$148.33				

There is no charge for shipping and handling for corporate accounts. For questions regarding this order, please contact customerservice@greenstripepress.com.

Không có phí vận chuyển và xử lý cho các tài khoản công ty. Đối với các câu hỏi liên quan đến đơn đặt hàng này, vui lòng liên hệ với dịch vụ khách hàng @ greenstripepress.com.

<p>To: <customerservice@ greenstri pepress .com> From: Jason Ho <jasonho@shoeboxmountain.com> Date: December 18 Subject: Order #GSP20896 Dear Green Stripe Press, ~ I am writing regarding my most recent order (#GSP20896), which was delivered today. If you check my original order, you will see that I ordered six accounting record books. You sent us seven copies. I'd like to return the one I didn't order and have our corporate credit card refunded, together with the shipping cost the return will incur. Let me know how you would like me to proceed. On a different note, congratulations on the calendar you included in my order! The photos are even more stunning than those in the Ancient Castles calendar you sent us last year. Some staff members saw mine and want copies of their own. Would you mind sending two more our way? Best, Jason Ho, Owner Shoebox Mountain</p>	<p>Tới: <customerservice @ greenstri pepress .com> Từ: Jason Ho <jasonho@shoeboxm chè.com> Ngày: ngày 18 tháng 12 Chủ đề: Đơn hàng # GSP20896 Kính gửi Green Stripe Press, ~ Tôi đang viết về đơn đặt hàng gần đây nhất của tôi (# GSP20896), được giao hôm nay. Nếu bạn kiểm tra đơn hàng ban đầu của tôi, bạn sẽ thấy rằng tôi đã đặt hàng sáu sổ ghi chép kế toán. Bạn đã gửi cho chúng tôi bảy bản. Tôi muốn trả lại cái mà tôi đã không đặt hàng và muốn được hoàn trả thẻ tín dụng doanh nghiệp của chúng tôi, cùng với chi phí vận chuyển mà việc hoàn trả sẽ phải chịu. Hãy cho tôi biết bạn muốn tôi tiến hành như thế nào. Ở một lưu ý khác, xin chúc mừng về tấm lịch bạn đã bao gồm trong đơn hàng của tôi! Những bức ảnh thậm chí còn tuyệt vời hơn những bức ảnh trong lịch Lâu đài cổ đại mà bạn gửi cho chúng tôi năm ngoái. Một số nhân viên nhìn thấy cái của tôi và muốn các bản của chính họ. Bạn có phiền gửi thêm hai cái nữa đến chỗ của chúng tôi không? Trân trọng, Jason Ho, chủ sở hữu Shoebox Mountain</p>
---	--

176. Why was Mr. Ho not charged a shipping fee?

(A) He took advantage of a promotion.

176. Tại sao ông Hồ không bị tính phí vận chuyển?

(A) Ông ấy đã tận dụng một chương trình khuyến mãi.



(B) He made the purchase for his company.

(C) He picked up his order in person.

(D) He overpaid for shipping on a previous order.

Ta đọc thấy có viết “Không có phí vận chuyển và xử lý cho các tài khoản công ty”, nên ông Hồ không bị tính phí vận chuyển là do ông mua hàng cho công ty Shoebox Mountain, câu B đúng.

(B) Ông ấy đã mua hàng cho công ty của mình.

(C) Ông ấy đã trực tiếp nhận đơn hàng của mình

(D) Ông ấy đã trả quá cao cho việc vận chuyển của đơn đặt hàng trước đó.

177. What is true about Mr. Ho's order?

(A) It was damaged in transit.

(B) It included fragile items.

(C) It was paid for by check.

(D) It was delivered on time.

Trong văn bản xác nhận của Green Stripe Press ghi thời gian giao hàng dự kiến vào ngày 18 đến 20 tháng 12, mà trong email của ông Hồ viết thì “đơn hàng đã được giao hôm nay” (hôm nay là ngày email được gửi đi, tức 18/12). Tức là đơn hàng đã được giao đúng hạn.

177. Điều gì là đúng về đơn hàng của ông Hồ?

(A) Nó đã bị hư hỏng lúc quá cảnh.

(B) Nó bao gồm các mặt hàng dễ vỡ.

(C) Nó đã được trả bằng séc.

(D) Nó đã được giao đúng hạn.

178. According to the e-mail, what was Mr. Ho sent by mistake?

(A) A castle book he did not order

(B) A calendar for last year

(C) An incorrect refund check

(D) An extra accounting book

Dẫn chứng là “I ordered six accounting record books. You sent us seven copies”, tức là ông Hồ đã đặt sáu sổ ghi chép kế toán nhưng đã được gửi bảy bản sao, do đó bị gửi dư 1 sổ kế toán. Câu D đúng.

178. Theo email, ông Hồ đã được gửi nhầm cái gì?

(A) Một cuốn sách lâu đài ông đã không đặt

(B) Lịch cho năm ngoái

(C) Kiểm tra hoàn tiền không chính xác

(D) Một sổ kế toán dư

179. What is one reason Mr. Ho wrote the e-mail?

(A) To offer praise for an item

(B) To complain about a price

(C) To order some photo albums

(D) To recommend a graphic designer

Ngoài nói về việc bị gửi dư một sổ kế toán, ông Hồ còn viết “xin chúc mừng về tấm lịch bạn đã bao gồm trong đơn hàng của tôi! Những bức ảnh thậm chí còn tuyệt vời hơn những bức ảnh trong lịch Lâu đài cổ đại mà bạn gửi cho chúng tôi năm ngoái. Một số nhân viên nhìn thấy cái của tôi và muốn các bản của chính họ”. Những lời này là ông đang dành sự khen ngợi cho một mặt hàng (tấm lịch). Câu A đúng.

179. Một lý do khiến ông Hồ viết e-mail là gì?

(A) Để dành sự khen ngợi cho một mặt hàng

(B) Để phàn nàn về giá cả

(C) Để đặt một số album ảnh

(D) Để đề xuất một nhà thiết kế đồ họa

180. In the e-mail, the phrase "our way" in paragraph 2, line 4, is closest in meaning to

(A) in our style

(B) to our address

(C) at our expense

180. Trong e-mail, cụm từ "chỗ của chúng tôi" trong đoạn 2, dòng 4, có nghĩa gần nhất với

(A) theo phong cách của chúng tôi

(B) đến địa chỉ của chúng tôi

(C) bằng chi phí của chúng tôi



(D) for our benefit

(D) vì lợi ích của chúng tôi

Câu B đúng vì ta có cụm “send our way” trong trường hợp này nghĩa là “gửi đến chỗ chúng tôi” hay nói cách khác là đến địa chỉ của chúng tôi.

Questions 181-185

<p>Contact the Hilgrave Historical Commission Name: Roger Witmond E-mail: roger@witmondlocations.com Comment: I work as a movie location scout. At this time, I need to find a location for a client's short film. The film will be set in the early 1930s, and I understand that Hilgrave has some interesting architecture from that era. Could you suggest places I should visit when I am in Hilgrave next month? Specifically, I am looking for a vacant building with an old-fashioned storefront that has distinctive details like stripe-patterned awnings and framed display windows. While having easy access to electricity would be ideal, it is not critical; my client has a generator that can be used if necessary. My client's aesthetic requirements are the most important consideration. Thank you for your assistance.</p>	<p>Liên lạc với Ủy ban lịch sử Hilgrave Tên: Roger Witmond E-mail: roger@witmondlocations.com Bình luận: Tôi làm việc với tư cách là một trinh sát địa điểm phim. Vào thời điểm này, tôi cần tìm một địa điểm cho bộ phim ngắn của khách hàng. Bộ phim sẽ lấy bối cảnh vào đầu những năm 1930 và tôi hiểu rằng Hilgrave có một số kiến trúc thú vị từ thời đại đó. Bạn có thể gợi ý những địa điểm tôi nên ghé thăm khi tôi ở Hilgrave vào tháng tới không? Cụ thể, tôi đang tìm kiếm một tòa nhà bỏ trống với mặt tiền cửa hàng kiểu cũ có các chi tiết khác biệt như mái hiên có sọc và cửa sổ hiển thị có khung. Mặc dù có thể dễ dàng tiếp cận với điện sẽ là lý tưởng, nhưng điều đó không quan trọng; khách hàng của tôi có một máy phát điện có thể được sử dụng nếu cần thiết. Yêu cầu thẩm mỹ của khách hàng của tôi là sự cân nhắc quan trọng nhất. Cảm ơn sự giúp đỡ của bạn.</p>
<p>To: roger@witmondlocations.com From: brandi.schaertl@hilgravehistoricalcommission.org Date: 28 September Subject: The information you requested Attachment: liD Hilgrave Sites Dear Mr. Witmond, Thank you for reaching out to the Hilgrave Historical Commission. The attached brochure lists the main areas of historical interest in Hilgrave. Some buildings may not meet all your requirements, but they might be worth considering. One building that is not on the attached list is the old record store at 188 Main Street. It has been</p>	<p>Kính gửi: roger@witmondlocations.com Từ: brandi.schaertl@hilgravehistoricalcommission.org Ngày: 28 tháng 9 Chủ đề: Thông tin bạn yêu cầu Tệp đính kèm: liD Các trang web Hilgrave Thưa ông Witmond, Cảm ơn bạn đã liên hệ với Ủy ban lịch sử Hilgrave. Tài liệu đính kèm liệt kê các khu vực gây hứng thú về lịch sử ở Hilgrave. Một số tòa nhà có thể không đáp ứng tất cả các yêu cầu của bạn, nhưng chúng có thể đáng cân nhắc. Một tòa nhà không có trong danh sách đính kèm là cửa hàng băng đĩa cũ tại 188 Main Street. Nó đã bị đóng cửa kinh doanh trong mười năm qua</p>



closed to business for the past ten years or so, but it seems to meet your criteria.

The owner, Luke Nylund, is currently using it for storage; I would be happy to put you in touch with him. I doubt you will have trouble getting permission from him to use the space. While Hilgrave was once a bustling town, these days there are fewer businesses in operation. Many of the town's residents would appreciate the attention a short film might bring to the area.

Best regards,

Brandi Schaertl

hoặc lâu hơn, nhưng nó dường như đáp ứng các tiêu chí của bạn.

Chủ sở hữu, Luke Nylund, hiện đang sử dụng nó để làm nhà kho; Tôi sẽ rất vui khi kết nối liên lạc giữa bạn với anh ấy. Tôi nghi ngờ bạn sẽ gặp khó khăn khi xin phép anh ta để sử dụng không gian. Trong khi Hilgrave đã từng là một thị trấn nhộn nhịp, ngày nay có ít doanh nghiệp hoạt động hơn. Nhiều người dân trong thị trấn sẽ đánh giá cao sự chú ý mà một bộ phim ngắn có thể mang lại cho khu vực.

Trân trọng,

Brandi Schaertl

181. Why is Mr. Witmondts looking for a filming location in Hilgrave?

- (A) It is known for its scenic mountain views.
- (B) It is a short distance from his office.
- (C) Its business district has appeared in other films.
- (D) Its buildings represent a particular time period.**

Dẫn chứng là “The film will be set in the early 1930s, and I understand that Hilgrave has some interesting architecture from that era”, nghĩa là “Bộ phim sẽ lấy bối cảnh vào đầu những năm 1930 và tôi hiểu rằng Hilgrave có một số kiến trúc thú vị từ thời đại đó”. Đại ý “Hilgrave có một số kiến trúc thú vị từ thời đại đó” là đồng nghĩa với câu D (“a particular time period” ở đây là “in the early 1930s” trong đoạn văn). Câu D đúng.

181. Tại sao ông Witmondts tìm kiếm một địa điểm quay phim ở Hilgrave?

- (A) Nó được biết đến với cảnh núi non hùng vĩ.
- (B) Đó là một khoảng cách ngắn từ văn phòng của mình.
- (C) Khu kinh doanh của nó đã xuất hiện trong các bộ phim khác.
- (D) Các tòa nhà của nó tượng trưng cho một khoảng thời gian cụ thể.**

182. On the contact form, the word "critical" in paragraph 2, line 4, is closest in meaning to

- (A) judgmental
- (B) essential**
- (C) sustainable
- (D) available

Câu “While having easy access to electricity would be ideal, it is not critical” đại khái là “mặc dù ... sẽ là lý tưởng nhưng nó không quan trọng”. Từ “critical” bình thường nghĩa là “có tính phê bình/ phán xét/ quan trọng” nhưng trong trường hợp này nó mang nghĩa “quan trọng/ thiết yếu”. Câu B đúng.

182. Trên mẫu liên hệ, từ "quan trọng" trong đoạn 2, dòng 4, có nghĩa gần nhất với

- (A) phán xét
- (B) thiết yếu**
- (C) bền vững
- (D) có sẵn

183. What is implied about 188 Main Street?

- (A) It was once used as a residence.

183. Điều gì được ngụ ý về Đường chánh 188?

- (A) Nó đã từng được sử dụng như một nơi cư trú.



- (B) It is frequently visited by tourists.
(C) It has several floors.
(D) **It has decorative design features.**

- (B) Nó thường xuyên được khách du lịch ghé thăm.
(C) Nó có nhiều tầng.
(D) **Nó có các đặc trưng thiết kế mang tính trang trí.**

Khi ông Witmondт ngỏ lời tìm kiếm một cửa hàng có các chi tiết trang trí khác biệt (email thứ nhất) thì cô Schaertl đề xuất là 188 Main Street có cửa hàng băng đĩa cũ và nói rằng nó đáp ứng các tiêu chí mà ông Witmondт đưa ra. Dựa vào điều này ta có thể ngầm hiểu là các kiến trúc thiết kế ở con đường 188 Main Street mang tính chất trang trí. Câu D đúng.

184. What does Ms. Schaertl offer to do?
(A) Advertise a forthcoming film
(B) Arrange to have a building cleaned
(C) **Connect Mr. Witmondт with a building's owner**
(D) Help Mr. Witmondт acquire necessary permits from the town

184. Cô Schaertl đề nghị làm gì?
(A) Quảng cáo một bộ phim sắp tới
(B) Sắp xếp để có một tòa nhà được làm sạch
(C) **Kết nối ông Witmondт với một chủ nhân của tòa nhà**
(D) Giúp ông Witmondт có được các giấy phép cần thiết từ thị trấn

Cô Schaertl viết “I would be happy to put you in touch with him” nghĩa là “Tôi sẽ rất vui khi kết nối liên lạc giữa bạn với anh ấy”. Điều này đồng nghĩa với việc cô ấy đề nghị sẽ kết nối ông Mr. Witmondт với người chủ của tòa nhà (Luke Nylund).

185. What does Ms. Schaertl suggest that Hilgrave needs?

185. Bà Schaertl đề xuất điều gì mà Hilgrave cần?

- (A) **More publicity**
(B) Additional parking
(C) A storage facility
(D) A business directory

- (A) **Tính quần chúng rộng rãi hơn**
(B) Bãi đậu xe bổ sung
(C) Một cơ sở lưu trữ
(D) Một thư mục kinh doanh

Bà Schaertl chia sẻ ở cuối email rằng “Many of the town's residents would appreciate the attention a short film might bring to the area” (Nhiều người dân trong thị trấn sẽ đánh giá cao sự chú ý mà một bộ phim ngắn có thể mang lại cho khu vực). “The attention” ở đây tức là nhiều người chú ý đến và biết đến khu vực này hơn, cũng có nghĩa là tính quần chúng rộng rãi hơn. Do đó câu A đúng.

Questions 186-190

<p>To: Cornelia Payne <cpayne@ roughwing.co.uk> From: Pragya Mehta <pmehta@airsky.in> Subject: Lecture Date: 18 January Attachment: @Notes Dear Cornelia, I am sorry for the late notice, but I will not be able to join you for the lecture. My new position at the university in Mumbai requires me to remain on campus.</p>	<p>Tối: Cornelia Payne <cpayne @ rawwing.co.uk> Từ: Pragya Mehta <pmehta@airsky.in> Chủ đề: Bài giảng Ngày: 18 tháng 1 Tập đính kèm: @Note Cornelia thân mến, Tôi xin lỗi vì thông báo muộn, nhưng tôi sẽ không thể tham gia cùng bạn cho bài giảng. Vị trí mới của tôi tại trường đại học ở Mumbai yêu cầu tôi phải ở lại trong khuôn viên trường.</p>
--	---



<p>Although I know you are fully prepared to deliver the lecture on your own, I have attached a copy of the notes I had prepared for the presentation. After you review them, let me know if there is anything else I can add.</p> <p>I had very much looked forward to traveling to Freeport, The Bahamas, for the first time and to seeing you again. I certainly miss working with you at the City University.</p> <p>Good luck with the lecture.</p> <p>Pragya</p>	<p>Mặc dù tôi biết bạn đã chuẩn bị đầy đủ để tự mình giảng bài, tôi đã đính kèm một bản sao của các ghi chú tôi đã chuẩn bị cho bài thuyết trình. Sau khi bạn xem xét chúng, hãy cho tôi biết nếu có bất cứ điều gì khác tôi có thể thêm vào.</p> <p>Tôi đã rất mong chờ được đi du lịch đến Freeport, The Bahamas lần đầu tiên và mong được gặp lại bạn. Dĩ nhiên tôi rất nhớ khi làm việc với bạn tại Đại học Thành phố.</p> <p>Chúc may mắn với bài giảng.</p> <p>Pragya</p>
--	---

<p>To: Ezra Halton <ehalton@ansonhouse.org> From: Cornelia Payne <cpayne@roughwing.co.uk> Subject: Information Date: 20 January Dear Mr. Halton,</p> <p>I am pleased to confirm that 19 March works well for the lecture at the Anson House. As I had mentioned to you over the phone, I will be giving the lecture on my own.</p> <p>My publisher, Alphagamma Press, will be sending 30 copies of my most recent work, coauthored with Dr. Pragya Mehta, to your institution. You and I will both receive an e-mail confirmation from Alphagamma when the books ship. They should arrive at least a week before the lecture.</p> <p>I look forward to meeting you soon.</p> <p>Cornelia Payne</p>	<p>Tới: Ezra Halton <ehalton@ansonhouse.org> Từ: Cornelia Payne <cpayne@roughwing.co. anh> Chủ đề: Thông tin Ngày: 20 tháng 1 Thưa ông Halton,</p> <p>Tôi vui mừng xác nhận rằng ngày 19 tháng 3 sẽ có hiệu quả tốt cho bài giảng tại Nhà Anson. Như tôi đã đề cập với bạn qua điện thoại, tôi sẽ tự mình giảng bài.</p> <p>Nhà xuất bản của tôi, Alphagamma Press, sẽ gửi 30 bản sao của tác phẩm gần đây nhất của tôi, đồng tác giả với Tiến sĩ Pragya Mehta, đến tổ chức của bạn. Cả bạn và tôi đều sẽ nhận được email xác nhận từ Alphagamma khi sách được gửi đi. Họ nên đến ít nhất một tuần trước khi diễn thuyết.</p> <p>Tôi mong được gặp bạn sớm.</p> <p>Cornelia Payne</p>
--	---

<p>Visit Exhibitions Speaker Series Contact Us</p> <p>The Anson House Freeport, The Bahamas</p> <p>Speaker Series</p> <p>Tickets for lectures are \$35 each or may be purchased at a reduced rate of \$90 for the series of three. Complimentary refreshments will be served. Reservations are not required but are recommended.</p> <p>7 March, 7:00-8:30 P.M., Ms. Janelle Pears</p>	<p>Ghé thăm Triển lãm Nhóm các diễn giả Liên hệ chúng tôi</p> <p>Nhà Anson Freeport, Ba-ha-ma</p> <p>Nhóm các diễn giả</p> <p>Vé cho các bài giảng là 35 đô la mỗi bài hoặc có thể được mua với mức giảm 90 đô la cho loạt ba bài. Giải khát miễn phí sẽ được phục vụ. Đặt phòng không bắt buộc nhưng được khuyến khích.</p> <p>7 tháng 3, 7: 00-8: 30 P.M., Bà Janelle Pears</p>
--	---



Go behind the scenes of Anson House with historian Janelle Pears, who is a lifelong resident of Freeport. Ms. Pears describes the daily life of the original residents of Anson House.

12 March, 7:00-8:30 P.M., Mr. Gregory Li

Our master gardener speaks about the challenges of restoring historic gardens. He has worked in gardens in Charleston, South Carolina, and Paris, France.

19 March, 7:00-8:30 P.M., Dr. Cornelia Payne

Dr. Payne discusses her most recently published book, *The Transatlantic World of the Nineteenth Century*, coauthored with Dr. Pragya Mehta. Dr. Payne has taught at the City University of Stoke-on-Trent in England for nearly 25 years.

Phía hậu trường của Anson House với nhà sử học Janelle Pears, một cư dân trọn đời của Freeport. Bà Pears mô tả cuộc sống hàng ngày của các cư dân đầu tiên của Anson House.

12 tháng 3, 7: 00-8: 30 P.M., Ông Gregory Li

Người làm vườn bậc thầy của chúng tôi nói về những thách thức của việc khôi phục các khu vườn lịch sử. Ông đã làm việc trong các khu vườn ở Charleston, Nam Carolina và Paris, Pháp.

19 tháng 3, 7: 00-8: 30 P.M., Tiến sĩ Cornelia Payne

Tiến sĩ Payne thảo luận về cuốn sách được xuất bản gần đây nhất của bà ấy, *Thế giới xuyên Đại Tây Dương của thế kỷ XIX*, đồng tác giả với Tiến sĩ Pragya Mehta. Tiến sĩ Payne đã giảng dạy tại Đại học Thành phố Stoke-on-Trent ở Anh trong gần 25 năm.

186. Why did Dr. Mehta send the e-mail to Dr. Payne?

- (A) To cancel a vacation plan
- (B) To request lecture notes
- (C) To confirm a meeting
- (D) To offer an apology**

Đọc đoạn đầu email ta thấy Tiến sĩ Mehta viết email để xin lỗi Tiến sĩ Payne vì không thể tham gia cùng ông ấy cho bài giảng. Câu D đúng.

186. Tại sao Tiến sĩ Mehta gửi e-mail đến Tiến sĩ Payne?

- (A) Để hủy bỏ kế hoạch nghỉ phép
- (B) Để yêu cầu ghi chú bài giảng
- (C) Để xác nhận một cuộc họp
- (D) Đưa ra lời xin lỗi**

187. According to the second e-mail, what did Dr. Payne do?

- (A) Arrange a delivery**
- (B) Give Mr. Halton a gift
- (C) Revise her presentation
- (D) Announce an address change

Trong email thứ 2 Tiến sĩ Payne viết rằng tờ báo Alphagamma, sẽ gửi 30 bản sao của tác phẩm gần đây nhất của ông, đồng tác giả với Tiến sĩ Pragya Mehta, đến tổ chức của ông Halton và sắp xếp những vấn đề liên quan đến việc chuyển phát ấy. Do đó câu A đúng.

187. Theo e-mail thứ hai, những gì đã làm Bác sĩ Payne làm gì?

- (A) Sắp xếp giao hàng**
- (B) Tặng quà cho ông Halton
- (C) Xem lại bài thuyết trình của cô ấy
- (D) Thông báo thay đổi địa chỉ

188. What is indicated about Alphagamma Press?

- (A) It has headquarters in The Bahamas.
- (B) It regularly ships materials to Anson House.
- (C) It published *The Transatlantic World of the Nineteenth Century*.**

188. Điều gì được chỉ ra về tờ báo Alphagamma?

- (A) Nó có trụ sở tại The Bahamas.
- (B) Nó thường xuyên vận chuyển vật liệu đến Anson House.



(D) It is paying Dr. Payne's travel and accommodation expenses.

(C) Nó đã xuất bản **Thế giới xuyên Đại Tây Dương thế kỷ XIX**.

(D) Nó đang trả tiền cho chuyến đi của Tiến sĩ Payne và chi phí ăn nghỉ.

Ở cuối văn bản thứ 3 có viết vào ngày 19 tháng 3, “Tiến sĩ Payne thảo luận về cuốn sách được xuất bản gần đây nhất của bà ấy, **Thế giới xuyên Đại Tây Dương của thế kỷ XIX**, đồng tác giả với Tiến sĩ Pragya Mehta”. Mà ta biết rằng tờ báo Alphagamma là nhà xuất bản của Tiến sĩ Payne (“My publisher, Alphagamma Press, will be sending 30 copies of my most recent work”). Do đó ta suy ra tờ báo Alphagamma đã xuất bản cuốn sách của Tiến sĩ Payne (**Thế giới xuyên Đại Tây Dương của thế kỷ XIX**). Câu C đúng.

189. Where were Dr. Mehta and Dr. Payne most likely colleagues?

(A) In Mumbai

(B) In Freeport

(C) **In Stoke-on-Trent**

(D) In Charleston

Tiến sĩ Mehta viết là “I certainly miss working with you at the City University” nghĩa là bà nhớ lúc làm việc chung với Tiến sĩ Payne ở Đại học Thành Phố, hơn nữa trong trang web viết là “Dr. Payne has taught at the City University of Stoke-on-Trent in England for nearly 25 years” (tức là City University nằm ở Stoke-on-Trent.) Với hai lý do trên ta suy ra là hai Tiến sĩ đã là đồng nghiệp của nhau tại Đại học Thành phố ở Stoke-on-Trent. Câu C đúng.

189. Tiến sĩ Mehta và Tiến sĩ Payne có khả năng là đồng nghiệp của nhau ở đâu nhất?

(A) Tại Mumbai

(B) Trong Freeport

(C) **Ở Stoke-on-Trent**

(D) Ở Charleston

190. What is indicated about the Speaker Series in the Web page?

(A) Discounts are unavailable.

(B) **Reservations are optional.**

(C) Events are held in the morning.

(D) Refreshments are not included.

Ta đọc thấy có viết “Reservations are not required ...” nghĩa là việc đặt chỗ là không bắt buộc, tức là nó chỉ tùy chọn. Câu B đúng. Không chọn các câu còn lại vì chúng trái ngược với thông tin trong bài (trong bài là: có giảm giá, các sự kiện được tổ chức vào buổi tối và có phục vụ giải khát).

190. Điều gì được chỉ ra về “Nhóm diễn giả” trong trang web?

(A) Giảm giá không có sẵn.

(B) **Việc đặt chỗ là tùy chọn.**

(C) Các sự kiện được tổ chức vào buổi sáng.

(D) Không bao gồm giải khát.

Questions 191-195

CRYN Group: We find the best employees for your company.

Posted: November 25

Position title and codes:

- Director of Operations, TLOO 15
- Marketing Director, TL0023
- Quality Control Director, TL0027
- Director of Category Management, TL0045

CRYN Group: Chúng tôi tìm thấy những nhân viên tốt nhất cho công ty của bạn.

Ngày đăng: 25 tháng 11

Chức danh và mã số:

- Giám đốc điều hành, TLOO 15
- Giám đốc tiếp thị, TL0023
- Giám đốc kiểm soát chất lượng, TL0027
- Giám đốc quản lý danh mục, TL0045



<p>To apply: Send your resume to mdoro@cryngroup.ca.com with posting number 2098 in the subject line.</p> <p>Company: Our client plans to chart an aggressive growth path in Latin America, where it plans to start operations next year. It is a well-established company widely known for marketing consumer-health products in North America, and more recently in Europe and Asia.</p> <p>Qualifications: Candidates must have a formal business degree and a proven management record in at least one international setting. Experience with online sales and marketing preferred.</p>	<p>Để ứng tuyển: Gửi hồ sơ của bạn đến mdoro@cryngroup.ca.com với số đăng 2098 trong dòng chủ đề.</p> <p>Công ty: Khách hàng của chúng tôi có kế hoạch vạch ra một lộ trình tăng trưởng mạnh mẽ ở Mỹ Latinh, nơi nó dự định bắt đầu hoạt động vào năm tới. Đây là một công ty nổi tiếng được biết đến rộng rãi để tiếp thị các sản phẩm chăm sóc sức khỏe người tiêu dùng ở Bắc Mỹ và gần đây là ở châu Âu và châu Á.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Ứng viên phải có bằng cấp kinh doanh chính thức và hồ sơ quản lý đã được chứng minh trong ít nhất một môi trường quốc tế. Kinh nghiệm với bán hàng trực tuyến và tiếp thị được ưu tiên.</p>
<p>To: Sven Arvidson <sarvidson@barkent.de.com> From: Maria Doro <mdoro@cryngroup.ca.com> Re: Posting number 2098 Date: December 10 Dear Mr. Arvidson, Thank you for submitting your resume. I'd like to schedule a preliminary telephone conversation with you as soon as possible to determine whether you would be a good choice for our client. I would particularly like to discuss whether you would be prepared to work at our client's new facility overseas. Let me know if you are available for a 30-minute phone call sometime between 10:00 A.M. and 2:00 P.M. EST on Monday or Tuesday of next week. Please respond to me by e-mail at your earliest convenience. Maria Doro CRYN Group</p>	<p>Tới: Sven Arvidson <sarvidson@barkent.de.com> Từ: Maria Doro <mdoro@cryngroup.ca.com> Re: Đăng số 2098 Ngày: 10 tháng 12 Kính gửi ông Arvidson, Cảm ơn ông đã gửi sơ yếu lý lịch của ông. Tôi muốn sắp xếp một cuộc trò chuyện điện thoại sơ bộ với ông càng sớm càng tốt để xác định xem ông có phải là một lựa chọn tốt cho khách hàng của chúng tôi hay không. Tôi đặc biệt muốn thảo luận về việc ông sẽ chuẩn bị làm việc tại cơ sở mới của khách hàng của chúng tôi ở nước ngoài hay không. Hãy cho tôi biết nếu ông có rảnh cho một cuộc gọi điện thoại trong 30 phút vào khoảng 10:00 A.M. và 2:00 P.M. EST vào thứ Hai hoặc thứ Ba của tuần tới. Hãy trả lời tôi bằng e-mail một cách thuận tiện sớm nhất. Maria Doro Tập đoàn CRYN</p>
<p>For immediate release For further information, contact Julie Dryden at 416-555-0103 Tayerson Ltd. Names New Director</p>	<p>Phát hành tức thì Để biết thêm thông tin, liên hệ với Julie Dryden theo số 416-555-0103 Công ty TNHH Tayerson. Giám đốc mới</p>



Toronto, April 5-Tayerson Ltd. continues to staff its new international outpost, which opens one month from today. In this case, the lucky candidate is Sven Arvidson. "Category Management is a relatively new area- and one that I'm sure I'll enjoy exploring and developing as director," Mr. Arvidson said. "As a major online marketer of nutritional supplements, Tayerson is poised to lead the way toward better living while becoming a more vibrant, more profitable corporation."

Mr. Arvidson has held several key management positions throughout his career, most recently at Barkent Pharmaceuticals in Germany. He was also a partner at MSZ Consulting Group, where he provided marketing guidance to leading consumer-product companies in Canada and China.

Toronto, ngày 5 tháng Tư – Công ty TNHH Tayerson tiếp tục cung cấp đội ngũ cho tiền đồn quốc tế mới của mình, cái mà khai trương sau một tháng kể từ hôm nay. Trong trường hợp này, ứng cử viên may mắn là Sven Arvidson. "Quản lý danh mục là một lĩnh vực tương đối mới - và một lĩnh vực mà tôi chắc chắn rằng tôi sẽ thích khám phá và phát triển với tư cách là giám đốc", ông Arvidson nói. "Là một nhà tiếp thị trực tuyến lớn về các chất bổ sung dinh dưỡng, Tayerson sẵn sàng dẫn đường cho cuộc sống tốt hơn trong khi trở thành một tập đoàn sôi động hơn, có lợi nhuận cao hơn."

Ông Arvidson đã giữ một số vị trí quản lý quan trọng trong suốt sự nghiệp của mình, gần đây nhất là tại Barkent Dược phẩm ở Đức. Ông cũng là một đối tác tại Nhóm Tư vấn MSZ, nơi ông cung cấp hướng dẫn tiếp thị cho các công ty sản phẩm tiêu dùng hàng đầu ở Canada và Trung Quốc.

191. According to the advertisement, what qualification is not required of applicants?

- (A) A degree in business
- (B) Previous employment in a managerial position
- (C) Experience working overseas
- (D) Online sales and marketing experience**

Ở mục Qualifications trong văn bản đầu tiên ta thấy có các trình độ chuyên môn sau là bắt buộc: "Candidates must have a formal business degree" = (A) a degree in business ... "a proven management record" = (B) Previous employment in a managerial position, ... "international setting" = (C) experience working overseas. Chỉ có câu D là không bắt buộc mà chỉ là yếu tố ưu tiên.

191. Theo quảng cáo, những trình độ chuyên môn nào không bắt buộc ở ứng viên?

- (A) Bằng cấp về kinh doanh
- (B) Việc làm trước đây trong quản lý Chức vụ
- (C) Kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài
- (D) Kinh nghiệm bán hàng và tiếp thị trực tuyến**

192. What most likely is the location of the position for which Mr. Arvidson applied?

- (A) Latin America**
- (B) North America
- (C) Europe
- (D) Asia

192. Chỗ nào rất có thể là địa điểm làm việc cho vị trí công việc mà ông Arvidson ứng tuyển?

- (A) Mỹ Latinh**
- (B) Bắc Mỹ
- (C) Châu Âu
- (D) Châu Á

Ở quảng cáo tuyển việc có viết "Khách hàng của chúng tôi có kế hoạch vạch ra một lộ trình tăng trưởng mạnh mẽ ở Mỹ Latinh, nơi nó dự định bắt đầu hoạt động vào năm tới", và trong email của



cô Doro gửi ông Arvidson có viết “Tôi đặc biệt muốn thảo luận về việc bạn sẽ chuẩn bị làm việc tại cơ sở mới (tức là sẽ hoạt động vào năm tới, ở Mỹ Latinh). Do đó rất có khả năng ông Arvidson sẽ ứng tuyển cho vị trí công việc ở Mỹ Latinh. Câu A đúng.

193. What does Ms. Dora ask Mr. Arvidson to provide in his reply?

- (A) Information on his leadership skills
- (B) His availability for an interview**
- (C) A current resume
- (D) The names of two references

Ở cuối email của mình cô Dora viết “Hãy cho tôi biết nếu bạn có rảnh cho một cuộc gọi điện thoại trong 30 phút vào khoảng 10:00 A.M. và 2:00 P.M. EST vào thứ Hai hoặc thứ Ba của tuần tới.” Do đó câu B đúng. (“available” ở đây nghĩa là “rảnh/ sẵn sàng”, “availability” là danh từ của nó).

193. Cô Dora yêu cầu ông Arvidson cung cấp gì trong phản hồi của mình?

- (A) Thông tin về kỹ năng lãnh đạo của anh ấy
- (B) Sự sẵn sàng cho một cuộc phỏng vấn**
- (C) Sơ yếu lý lịch hiện tại
- (D) Tên của hai tài liệu tham khảo

194. What job code did Mr. Arvidson most likely reference in his application?

- (A) TL0015
- (B) TL0023
- (C) TL0027
- (D) TL0045**

Trong văn bản thứ 3 có trích lời ông Arvidson rằng “Quản lý danh mục là một lĩnh vực tương đối mới - và một lĩnh vực mà tôi chắc chắn rằng tôi sẽ thích khám phá và phát triển với tư cách là giám đốc”. Có nghĩa là ông ấy trúng tuyển vị trí Giám đốc quản lý danh mục, với mã TL0045. Đáp án D đúng.

194. Mã công việc nào mà ông Arvidson rất có thể đã tham khảo trong đơn xin việc của mình?

- (A) TL0015
- (B) TL0023
- (C) TL0027
- (D) TL0045**

195. According to the press release, what does Tayerson Ltd. sell?

- (A) Medical devices
- (B) Accounting software
- (C) Nutritional supplements**
- (D) Exercise equipment

Trong văn bản thứ 3 có viết “Là một nhà tiếp thị trực tuyến lớn về các chất bổ sung dinh dưỡng, Tayerson sẵn sàng dẫn đường...” Do đó câu C đúng.

195. Theo thông cáo báo chí, công ty TNHH Tayerson bán gì?

- (A) Thiết bị y tế
- (B) Phần mềm kế toán
- (C) Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng**
- (D) Thiết bị tập thể dục

Questions 196-200

fiJ's	fiJ's
FGJ's Business Expert Series Prospect Data Purchasing 45-Minute Webinar 11 May, 2:30P.M.	Loạt chuyên gia kinh doanh của FGJ Triển vọng mua dữ liệu Hội thảo trực tuyến 45 phút 11 tháng 5, 2:30 P.M.
Every department in an organisation needs information to make business decisions. Marketing professionals in particular rely on accurate data	Mỗi bộ phận trong một tổ chức cần thông tin để đưa ra quyết định kinh doanh. Các chuyên gia tiếp thị đặc biệt dựa vào dữ liệu chính xác

about potential customers to be successful. In this Webinar, Briana Carrera, chief financial officer of Pile One Market Data, explains how to avoid the pitfalls of acquiring incomplete data and provides tips on what to ask your prospective data provider to ensure that your next batch of data leads to the results you want.

về khách hàng tiềm năng để thành công. Trong Hội thảo trực tuyến này, Briana Carrera, giám đốc tài chính của Pile One Market Data, giải thích cách tránh những cạm bẫy của việc thu thập dữ liệu không đầy đủ và cung cấp các mẹo về những gì cần hỏi nhà cung cấp dữ liệu tiềm năng của bạn để đảm bảo rằng lô dữ liệu tiếp theo của bạn dẫn đến kết quả bạn muốn.

E-mail

To: Sandra Lescure
From: Gino Stelleti
Date: 12 May
Subject: FGJ's Webinar

Dear Sandra,

You had asked me to give you a report on the Webinar I attended yesterday about acquiring data. To be honest, even though the facilitator was clearly knowledgeable, she did not tell me anything I didn't already know. I was hoping that she would show us the differences between the many types of databases out there, but she never touched on that topic. I am not so sure all these Webinars are useful; in the end, they always seem to be steering us to purchase from one particular company or another-in this case it was Pile One. Having said that, the new schedule just came out, and there is another Webinar coming up soon that I am hoping will provide the information I want about how to store and sort data. I have already signed up for it; I will keep you posted about what I learn.

Gino

E-mail

Kính gửi: Sandra Lescure
Từ: Gino Stelleti
Ngày: 12 tháng 5
Chủ đề: Hội thảo trên web của FGJ

Sandra thân mến,

Bạn đã yêu cầu tôi cung cấp cho bạn một báo cáo về Hội thảo trên web mà tôi đã tham dự ngày hôm qua về việc thu thập dữ liệu. Thành thật mà nói, mặc dù người hướng dẫn rõ ràng là hiểu biết nhiều nhưng cô ấy đã không nói với tôi bất cứ điều gì mà tôi chưa biết. Tôi đã hy vọng rằng cô ấy sẽ cho chúng ta thấy sự khác biệt giữa nhiều loại cơ sở dữ liệu ngoài kia, nhưng cô ấy không bao giờ chạm vào chủ đề đó. Tôi không chắc chắn tất cả các Hội thảo trên web này đều hữu ích; cuối cùng, họ dường như luôn thúc đẩy chúng tôi mua hàng từ một công ty cụ thể hoặc một công ty khác - trong trường hợp này là Pile One. Phải nói rằng, lịch trình mới vừa xuất hiện và sẽ có một Hội thảo trên web khác sắp ra mắt mà tôi hy vọng sẽ cung cấp thông tin tôi muốn về cách lưu trữ và sắp xếp dữ liệu. Tôi đã đăng ký nó; Tôi sẽ cho bạn biết tin về những gì tôi học được.

Gino

fiJ.s

Upcoming 45-Minute Webinars in FGJ's Business Expert Series

Basics of Market Research 1 June, 9:30A.M.
Ed Quinones €12.00

Tips for Accelerating Sales 12 June, 9:30A.M.
Cameron Stone €16.00

fiJ • s

Hội thảo trên web dài 45 phút sắp tới trong Nhóm chuyên gia kinh doanh của FGJ

Khái niệm cơ bản về nghiên cứu thị trường ngày 1 tháng 6, 9:30 A.M. Ed Quinones € 12,00

Mẹo để tăng tốc doanh số ngày 12 tháng 6, 9:30 A.M. Đá Cameron € 16,00



<p>What is Market Automation? 5 JuJ y, 11 :00 A.M. Ed Quinones €12.00</p> <p>Choosing the Right Database 17 July, 2:00P.M. Selina Tucci €12.00</p> <p>The Business Expert Series is organised by Tuyet Nguyen. Please address any questions to her at tnguyen@fgj.org. To access Webinar content, attendance is required as Webinars are not recorded for later viewing.</p>	<p>Tự động hóa thị trường là gì? 5 ngày 5 tháng 7, 11:00 A.M. Ed Quinones € 12,00</p> <p>Chọn cơ sở dữ liệu 17 tháng 7, 2:00 P.M. Selina Túc € 12,00</p> <p>Nhóm chuyên gia kinh doanh được tổ chức bởi Tuyết Nguyễn. Vui lòng giải quyết bất kỳ câu hỏi cho cô ấy tại tnguyen@ fgj.org. Để truy cập nội dung Hội thảo trên web, cần có sự tham dự vì Hội thảo trên web không được ghi lại để xem sau.</p>
--	--

196. According to the brochure, who would benefit most from the Prospect Data Purchasing Webinar?

- (A) A financial analyst
- (B) A marketing manager**
- (C) A customer-service representative
- (D) An information-technology specialist

Trong văn bản về Prospect Data Purchasing Webinar nhắc đến “Các chuyên gia tiếp thị đặc biệt dựa vào dữ liệu chính xác về khách hàng tiềm năng để thành công”. Câu B đúng.

197. What was Mr. Stelleti's complaint about the Webinar?

- (A) He did not like the format.
- (B) He did not learn anything new.**
- (C) He had difficulty hearing everything.
- (D) He found the topic to be too complex.

Trong email của mình, ông Stelleti viết “Thành thật mà nói, mặc dù người hướng dẫn rõ ràng là hiểu biết nhiều nhưng cô ấy đã không nói với tôi bất cứ điều gì mà tôi chưa biết”, tức là những điều trong hội thảo là ông ấy đã biết hết rồi, và ông không học được gì mới cả. Câu B đúng.

198. What does Mr. Stelleti suggest about Ms. Carrera?

- (A) She recently joined a new company.
- (B) She has experience managing databases.
- (C) She had asked him to sign up for the Webinar.
- (D) She tried to sell her company's services.**

Khi đề cập đến hội thảo mà cô Cerrera hướng dẫn, ông Stelleti viết “in the end, they always seem to be steering us to purchase from one particular company or another-in this case it was Pile One” nghĩa là “cuối cùng, họ dường như luôn thúc đẩy chúng tôi mua hàng từ một công ty

196. Theo tài liệu, ai sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ Hội thảo trên web về việc mua dữ liệu triển vọng?

- (A) Một nhà phân tích tài chính
- (B) Một giám đốc tiếp thị**
- (C) Một đại diện dịch vụ khách hàng
- (D) Một chuyên gia công nghệ thông tin

197. Khiếu nại của ông Stelleti về Hội thảo trên web là gì?

- (A) Ông ấy không thích định dạng.
- (B) Ông ấy không học được gì mới.**
- (C) Ông ấy gặp khó khăn khi nghe tất cả mọi thứ.
- (D) Ông ấy thấy chủ đề quá phức tạp.

198. Ông Stelleti đề xuất điều gì về Cô Carrera?

- (A) Cô ấy mới gia nhập một công ty mới.
- (B) Cô ấy có kinh nghiệm quản lý cơ sở dữ liệu.
- (C) Cô ấy đã yêu cầu anh ấy đăng ký Hội thảo trên web.
- (D) Cô ấy đã cố gắng bán dịch vụ của công ty mình.**



nhất định ... trong trường hợp này là Pile One...". Tức ý của ông Stelleti là cô Carrera đã cố gắng bán các dịch vụ của công ty mình, công ty Pile One.

199. When will Mr. Stelleti most likely attend another Webinar?

- (A) On June 1
- (B) On June 12
- (C) On July 5
- (D) On July 17**

199. Khi nào thì ông Stelleti sẽ tham dự một Hội thảo trên web khác?

- (A) Vào ngày 1 tháng 6
- (B) Vào ngày 12 tháng 6
- (C) Vào ngày 5 tháng 7
- (D) Vào ngày 17 tháng 7**

Ông Stelleti viết "There is another Webinar coming up soon ... about how to store and sort data. I have already signed up for it". Tức là ông ấy đã đăng ký một hội thảo trên web khác về cách lưu trữ và chọn lọc dữ liệu, mà liên quan đến việc chọn cơ sở dữ liệu chính là hội thảo vào ngày 17 tháng 7. Do đó, ta chọn câu D.

200. According to the schedule, what do all of the Webinars have in common?

- (A) They cost the same amount.
- (B) They are held in the morning.
- (C) They last the same amount of time.**
- (D) They are recorded for future playback.

200. Theo lịch trình, tất cả các Hội thảo trên web có điểm gì chung?

- (A) Chúng tốn chi phí như nhau.
- (B) Chúng được tổ chức vào buổi sáng.
- (C) Chúng kéo dài cùng một khoảng thời gian.**
- (D) Chúng được ghi lại để phát lại trong tương lai.

Tất cả các hội thảo trên web sắp tới có điểm chung là đều kéo dài 45 phút (dẫn chứng: Upcoming 45-Minute Webinars in FGJ's Business Expert Series). Câu C đúng.